

1

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
NGÀNH: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 403 /QĐ- CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch)

Thái Nguyên, năm 2022
(Lưu hành nội bộ)

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, mạng xã hội đang ngày càng trở nên phổ biến được nhiều người Việt Nam sử dụng. Với số lượng người dùng đông đảo, khả năng tương tác và chia sẻ thông tin cao, mạng xã hội đang đóng một vai trò quan trọng với hoạt động có yếu tố thương mại điện tử.

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thương mại điện tử cũng thu hút được sự quan tâm sâu rộng của các thành phần kinh tế; góp phần làm thay đổi cách thức kinh doanh, giao dịch truyền thống, phong cách sống, học tập, làm việc của con người; thúc đẩy mạnh mẽ sự tăng trưởng kinh tế, tăng cường hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp; tạo ra nhiều ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mới như công nghiệp công nghệ thông tin, dịch vụ tài chính – ngân hàng trực tuyến, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ chữa bệnh qua mạng, giáo dục đào tạo từ xa... Thương mại điện tử cho phép các cá nhân, tổ chức kinh doanh có thể dễ dàng tiếp cận, trao đổi với khách hàng trên mọi vùng, miền làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Vì thế, để hiểu rõ hơn về thương mại điện tử, quy chế pháp lý đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thương mại điện tử, các hành vi vi phạm và hình thức xử lý, môn học "*Pháp luật thương mại điện tử*" đã được đưa vào chương trình đào tạo dành cho người học trình độ Cao đẳng thuộc chuyên ngành Thương mại điện tử tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch.

Tuy nhiên, trên thị trường sách tham khảo hiện nay có rất ít tài liệu trình bày đầy đủ về nội dung "*Pháp luật thương mại điện tử*" dành cho người học trình độ Trung cấp mà phần lớn tài liệu dành cho người học ở bậc học cao hơn.

Vậy nên, nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. tôi đề xuất và biên soạn *Giáo trình Pháp luật thương mại điện tử* dành riêng cho người học trình độ Trung cấp.

Nội dung của giáo trình bao gồm các bài sau:

Bài 1: Những vấn đề chung của pháp luật về thương mại điện tử

Bài 2: Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại

Bài 3: Hoạt động thương mại điện tử

Bài 4: Quản lý hoạt động thương mại điện tử

Bài 5: An toàn, an ninh trong giao dịch thương mại điện tử

Bài 6: Giải quyết tranh chấp, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Trong quá trình biên soạn giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	3
MỤC LỤC.....	4
BÀI 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	21
I. Những quy định chung.....	24
1. Phạm vi điều chỉnh.....	24
2. Đối tượng áp dụng.....	24
3. Các hành vi bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử.....	24
II. Quản lý nhà nước về thương mại điện tử.....	26
1. Nội dung quản lý nhà nước về thương mại điện tử.....	27
2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử.....	27
BÀI 2. CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ TRONG GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI	29
I. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại.....	31
1. Nhận thức chung về chứng từ điện tử.....	31
2. Điều kiện đảm bảo chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại có giá trị pháp lý như bản gốc.....	31
II. Thời điểm, địa điểm gửi và nhận chứng từ điện tử.....	32
1. Thời điểm gửi và nhận chứng từ điện tử.....	32
2. Địa điểm gửi và nhận chứng từ điện tử.....	33
III. Địa điểm kinh doanh của các bên và thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng không có bên nhận cụ thể.....	33
1. Địa điểm kinh doanh của các bên.....	33
2. Thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng không có bên nhận cụ thể.....	33
IV. Sử dụng hệ thống thông tin tự động và xử lý lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử.....	33
1. Sử dụng hệ thống thông tin tự động.....	33
2. Xử lý lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử.....	34
BÀI 3. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	36
I. Những quy định chung.....	38
1. Chủ thể của hoạt động thương mại điện tử.....	38
2. Các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử.....	38
3. Các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử.....	39
II. Các hoạt động thương mại điện tử.....	39
1. Hoạt động của Website thương mại điện tử bán hàng.....	40
III. Hoạt động của Website khuyến mại trực tuyến.....	48
1. Cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến.....	48
2. Thông tin về hoạt động khuyến mại trên website khuyến mại trực tuyến.....	48
3. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến.....	49
4. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại.....	49
5. Hợp đồng dịch vụ khuyến mại.....	49

IV. Hoạt động của Website đấu giá trực tuyến.....	50
1. Cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến.....	50
2. Yêu cầu về hệ thống kỹ thuật phục vụ hoạt động đấu giá trực tuyến.....	50
3. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến.....	50
4. Trách nhiệm của người bán trên website đấu giá trực tuyến.....	51
5. Địa điểm và thời gian đấu giá.....	51
6. Thông báo đấu giá hàng hóa.....	52
7. Xác định người mua hàng.....	52
8. Thông báo kết quả đấu giá.....	52
BÀI 4 QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.....	55
I. Quản lý Website thương mại điện tử bán hàng.....	57
1. Điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng.....	57
2. Thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng.....	57
II. Quản lý Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.....	57
1. Điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.....	57
2. Thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.....	58
3. Sửa đổi, bổ sung, đăng ký lại, chấm dứt đăng ký.....	58
III. Hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử... ..	59
1. Nguyên tắc chung.....	59
2. Hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử.....	60
3. Hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử.....	61
IV. Công thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử.....	65
1. Trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì công thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.....	65
2. Chức năng của Công thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.....	66
BÀI 5 . AN TOÀN, AN NINH TRONG GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.....	68
I. Bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử.....	71
1. Trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng.....	72
2. Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng.....	75
3. Thu thập thông tin cá nhân người tiêu dùng.....	75
II. An toàn thanh toán trong thương mại điện tử.....	77
1. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến.....	77
2. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website thương mại điện tử.....	78
BÀI 6 . GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	80
I. Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.....	82
1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.....	82
2. Xử lý tranh chấp.....	82
II. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử.....	82

1. Thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử 82
2. Xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử..... 83

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mã số môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí: Môn học được bố trí giảng dạy trong chương trình đào tạo hệ Trung cấp.
- Tính chất: Là môn học lý thuyết, được bố trí giảng dạy sau khi học sinh đã được học môn Pháp luật. Môn học này cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về Pháp luật thương mại điện tử. Kết thúc môn học được đánh giá bằng hình thức thi tự luận.
- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Pháp luật thương mại điện tử là môn học khoa học mang tính thực tế và dành cho đối tượng là người học thuộc các chuyên ngành như Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, ... Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao Đẳng Thương mại và Du lịch. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức và kỹ năng thuộc lĩnh vực Thương mại điện tử.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1.1. Mục tiêu đào tạo chung

Học xong môn học này học sinh sẽ có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;
 - + Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản, nắm được các quy định của nhà nước về thương mại điện tử.
- Về kỹ năng: Phân biệt được tính hợp pháp và không hợp pháp của các hành vi từ đó áp dụng các quy định của pháp luật vào đời sống, vào quá trình học tập và lao động.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học sinh thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

1.2. Mục tiêu cụ thể

** Về kiến thức:*

- + Trình bày được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cá nhân sở hữu website thương mại có chức năng thanh toán trực tuyến
- + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website thương mại điện tử
- + Nêu được quy định về giải quyết tranh chấp, thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử
- + Nêu được chủ thể của hoạt động thương mại điện tử
- + Chỉ ra được các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử
- + Tuân thủ các quy định của nhà nước về hoạt động thương mại điện tử

- + Nêu được các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử
 - + Trình bày được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng
 - + Nêu được quy định của pháp luật về thông tin trên website thương mại điện tử bán hàng
 - + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử, quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử
 - + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử, quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử
 - + Nêu được quy định của pháp luật đối với thông tin về hoạt động khuyến mại trên website khuyến mại trực tuyến
 - + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến, trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại
 - + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến, trách nhiệm của người bán trên website đấu giá trực tuyến
 - + Trình bày được điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng, website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
 - + Nêu được trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử, chức năng của cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử
 - + Nêu được trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử, chức năng của cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử
 - + Trình bày được trách nhiệm về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng
 - + Nêu được chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng
 - + Trình bày được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cá nhân sở hữu website thương mại có chức năng thanh toán trực tuyến
 - + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website thương mại điện tử
 - + Nêu được quy định về giải quyết tranh chấp, thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử
- * Về kỹ năng:**
- + Vận dụng quy định của pháp luật để kiểm tra, cập nhật và điều chỉnh thông tin cá nhân của người tiêu dùng
 - + Phân biệt được các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử
 - + Phân biệt được các hoạt động thương mại điện tử

- + Giải thích và vận dụng được các quy định của pháp luật vào các hoạt động thương mại điện tử
- + Vận dụng quy định của pháp luật để tiến hành thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng, website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
- + Vận dụng quy định của pháp luật để tiến hành thu thập thông tin cá nhân người tiêu dùng
- + Vận dụng quy định của pháp luật để kiểm tra, cập nhật và điều chỉnh thông tin cá nhân của người tiêu dùng
- + Vận dụng quy định của pháp luật để giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Chủ động trong học tập, rèn luyện
- + Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thanh toán trong giao dịch điện tử.
- + Ủng hộ quy định của nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử
- + Chủ động đọc, tìm kiếm tài liệu phục vụ học tập
- + Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của nhà nước đối với hoạt động thương mại điện tử
- + Có trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân người tiêu dùng

4. Chương trình khung

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn	64	1590	511	1035	44
<i>II.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>15</i>	<i>225</i>	<i>184</i>	<i>31</i>	<i>10</i>

MH07	Kinh tế vi mô	3	45	43	-	2
MH08	Thương mại điện tử căn bản	3	45	43	-	2
MH09	Pháp luật thương mại điện tử	2	30	28	-	2
MH10	Mạng máy tính	2	30	15	14	1
MH11	Marketing điện tử	2	30	28	-	2
MH12	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	45	27	17	1
II.2	Các môn học chuyên môn	47	1335	298	1004	33
MH13	Tiếng Anh thương mại	4	60	57	-	3
MH14	Nghiệp vụ kinh doanh TM dịch vụ	4	60	57	-	3
MH15	Quản trị tác nghiệp TMĐT	4	60	57	-	3
MH16	Nghiệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm trong TMĐT	3	45	43	-	2
MH17	Khai báo hải quan điện tử	2	30	28	-	2
MH18	Thanh toán điện tử	2	30	28	-	2
MH19	An toàn hệ thống thông tin	2	30	28	-	2
MH20	Thực hành mạng và quản trị mạng	3	90	-	86	4
MH21	TH tác nghiệp TMĐT	3	90	-	86	4
MH22	TH vận tải, giao nhận và bảo hiểm trong TMĐT	2	60	-	56	4
MH23	TH khai báo hải quan ĐT	2	60	-	56	4
MH24	Thực tập tốt nghiệp	16	720		720	
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	2	30	28	-	2
MH25	Kỹ năng bán hàng trực tuyến	2	30	28	-	2
MH26	Khởi sự kinh doanh	2	30	28	-	2
	Tổng cộng	76	1845	605	1183	57

5. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra

1	<p>Bài 1: Những vấn đề chung của pháp luật về Thương mại điện tử</p> <p>I. Những quy định chung</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>3. Các hành vi bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử</p> <p>3.1 Vi phạm về hoạt động kinh doanh thương mại điện tử</p> <p>3.2. Vi phạm về thông tin trên website thương mại điện tử</p> <p>3.3. Vi phạm về giao dịch trên website thương mại điện tử</p> <p>3.4. Các vi phạm khác</p> <p>II. Quản lý nhà nước về thương mại điện tử</p> <p>1. Nội dung quản lý nhà nước về Thương mại điện tử</p> <p>2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử</p>	2	2		
2	<p>Bài 2: Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại</p> <p>I. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại</p> <p>1. Nhận thức chung về chứng từ điện tử</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại có giá trị pháp lý như bản gốc</p> <p>II. Thời điểm, địa điểm gửi và nhận</p>	2	2		

	<p>chứng từ điện tử</p> <p>1. Thời điểm gửi và nhận chứng từ điện tử</p> <p>2. Địa điểm gửi và nhận chứng từ điện tử</p> <p>III. Địa điểm kinh doanh của các bên và thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng không có bên nhận cụ thể</p> <p>1 Địa điểm kinh doanh của các bên</p> <p>2 Thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng không có bên nhận cụ thể</p> <p>IV. Sử dụng hệ thống thông tin tự động và xử lý lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử</p> <p>1 Sử dụng hệ thống thông tin tự động</p> <p>2 Xử lý lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử</p>				
3	<p>Bài 3: Hoạt động thương mại điện tử</p> <p>I. Những quy định chung</p> <p>1 Chủ thể của hoạt động thương mại điện tử</p> <p>2 Các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử</p> <p>2.1 Website thương mại điện tử bán hàng</p> <p>2.2 Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử</p> <p>3 Các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử</p>	10	10		

	<p>II. Các hoạt động thương mại điện tử</p> <p>1 Hoạt động của website thương mại điện tử bán hàng</p> <p>1.1 Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng</p> <p>1.2 Thông tin trên website thương mại điện tử bán hàng</p> <p>2. Hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử</p> <p>2.1 Cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử</p> <p>2.2 Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử</p> <p>2.3 Trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử</p> <p>2.4 Quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử</p> <p>3. Hoạt động của website khuyến mại trực tuyến</p> <p>3.1 Cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến</p> <p>3.2 Thông tin về hoạt động khuyến mại trên website khuyến mại trực tuyến</p> <p>3.3 Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến</p> <p>3.4 Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại</p>				
--	--	--	--	--	--

	<p>3.5 Hợp đồng dịch vụ khuyến mại</p> <p>IV. Hoạt động của website đấu giá trực tuyến</p> <p>1 Cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến</p> <p>2 Yêu cầu về hệ thống kỹ thuật phục vụ hoạt động đấu giá trực tuyến</p> <p>3 Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến</p> <p>4 Trách nhiệm của người bán trên website đấu giá trực tuyến</p> <p>5 Địa điểm và thời gian đấu giá</p> <p>6 Thông báo đấu giá hàng hóa</p> <p>7 Xác định người mua hàng</p> <p>8 Thông báo kết quả đấu giá</p>				
4	Kiểm tra	1	1		1

5	<p>Bài 4: Quản lý hoạt động thương mại điện tử</p> <p>I. Quản lý website thương mại điện tử bán hàng</p> <p>1 Điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng</p> <p>2 Thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng</p> <p>II. Quản lý website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử</p> <p>1 Điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử</p> <p>2. Thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử</p> <p>3 Sửa đổi, bổ sung, đăng ký lại, chấm dứt đăng ký</p> <p>4 Nghĩa vụ báo cáo và thẩm quyền cấp đăng ký</p> <p>III. Hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>2. Hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử</p> <p>3. Hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử</p> <p>IV. Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử</p> <p>1. Trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin quản lý</p>	7	7		
---	---	---	---	--	--

	<p>hoạt động thương mại điện tử</p> <p>2. Chức năng của cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử</p>				
6	<p>Bài 5 An toàn, an ninh trong giao dịch thương mại điện tử</p> <p>I. Bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng</p> <p>1 Trách nhiệm về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng</p> <p>2 Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng</p> <p>3 Thu thập thông tin cá nhân của người tiêu dùng</p> <p>3.1 Xin phép thu thập thông tin cá nhân của người tiêu dùng</p> <p>3.2 Sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng</p> <p>3.3 Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cá nhân của người tiêu dùng</p> <p>3.4 Kiểm tra, cập nhật và điều chỉnh thông tin cá nhân của người tiêu dùng</p> <p>II. An toàn thanh toán trong thương mại điện tử</p> <p>1. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cá nhân sở hữu website thương mại có chức năng thanh toán trực tuyến</p> <p>2. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website thương mại điện tử</p>	5	5		
7	Bài 6 Giải quyết tranh chấp,	2	2		

	thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm I. Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử 1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp 2 Xử lý tranh chấp II. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử 1 Thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử 2 Xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử				
8	Kiểm tra	1	1		1
	Tổng cộng	30	28		2

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm đọc các tài liệu, tình huống pháp luật về thương mại điện tử trên thực tế, từ đó vận dụng để giải quyết các tình huống pháp luật đơn giản.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- *Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong 4 bài

- *Về kỹ năng:* Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTĐ, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm	Sau 12 giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm	Sau 16 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 30 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Chương trình môn học Pháp luật về Thương mại điện tử được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp trong trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

+ Được đào tạo qua các lớp sư phạm tối thiểu, có khả năng truyền đạt cho học sinh

+ Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học

+ Giáo viên trên cơ sở chương trình môn học soạn giáo án và bài giảng chi tiết để thực hiện giảng dạy theo đúng yêu cầu môn học. Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo viên phải thường xuyên đọc tài liệu và cập nhật những thông tin có liên quan. Trong quá trình giảng dạy cần liên hệ thực tế để học sinh ngoài việc nắm bắt được kiến thức còn có khả năng tự liên hệ với thực tế nghề nghiệp sau này.

+ Trong quá trình giảng dạy, khi các quy định pháp luật có sự thay đổi giáo viên chủ động chỉnh sửa nội dung cho phù hợp.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp.
- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.
- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.
- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc môn học.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

- Luật số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội về giao dịch điện tử
- Luật số 36/2005/QH11 về Thương mại
- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử
- Nghị định số 85/2021/NĐ-CP của Chính phủ : Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử
- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- Thông tư số 47/2014/TT-BCT quy định về Quản lý website thương mại điện tử. Thay thế cho Thông tư số 12/2013/TT-BCT
- Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của BCT quy định về quản lý hoạt động TMĐT qua ứng dụng trên thiết bị di động

- Thông tư số 01/2022/TT-BCT của Bộ Công thương: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan tới lĩnh vực thương mại điện tử.

BÀI 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

❖ GIỚI THIỆU BÀI 1

Bài 1 là bài giới thiệu về một số nội dung cơ bản về pháp luật thương mại điện tử để người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những bài tiếp theo.

❖ MỤC TIÊU BÀI 1

Sau khi học xong học sinh có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng trong pháp luật về thương mại điện tử
 - + Nêu các hành vi bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử
- Về kỹ năng: Phân biệt được các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại điện tử
- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:
 - + Chủ động trong học tập, tìm kiếm tài liệu phục vụ bài học
 - + Tôn trọng và tuân thủ quy định của nhà nước

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 1

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (điển giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 1 (cá nhân hoặc nhóm).*
- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (bài 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống bài 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 1

- Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn
- Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn
- Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...
- Các điều kiện khác: Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 1

- **Nội dung:**
 - + *Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong bài 1
 - + *Về kỹ năng:* Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật
 - + *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

- + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)
- + Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có

NỘI DUNG BÀI 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thương mại điện tử (TMĐT) về cơ bản là việc ứng dụng các phương tiện điện tử vào hoạt động kinh doanh, thương mại. Hiện nay, mạng lưới Internet phát triển và phổ cập rộng rãi, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh trực tuyến phát triển và mang lại cho chủ thể kinh doanh những giá trị và lợi ích to lớn. Chủ thể tham gia hoạt động TMĐT bên cạnh việc tuân thủ các quy định trực tiếp về TMĐT, còn phải thực hiện các quy định pháp luật liên quan khác như đầu tư kinh doanh, thương mại, dân sự. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về TMĐT trở nên cần thiết và cấp bách. Pháp luật về TMĐT được xem là công cụ pháp lý bảo vệ, định hướng chủ thể kinh doanh, tạo ra môi trường kinh doanh thông qua TMĐT an toàn.

Theo Quyết định số 1563/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT, theo đó, phần đầu 50% doanh nghiệp sẽ có trang thông tin điện tử; 80% doanh nghiệp thực hiện đặt hàng hoặc nhận đơn đặt hàng thông qua các ứng dụng TMĐT; 50% dịch vụ công liên quan tới xuất nhập khẩu được cung cấp trực tuyến mức độ 4; 100% các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, 50% gói thầu mua sắm công được thực hiện trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; ... Hầu hết các doanh nghiệp TMĐT đều cho rằng việc phát triển TMĐT trên nền tảng di động là tất yếu. Tùy theo quy mô phát triển kinh doanh, các doanh nghiệp có thể chọn thời điểm thích hợp để ra mắt ứng dụng mua sắm trên di động. Hiện tại, các doanh nghiệp TMĐT lớn như Lazada, Sendo, Zalora, Hotdeal... đã sớm triển khai các ứng dụng mua sắm qua di động. Ở Việt Nam trong thời gian qua số lượng các vụ tranh chấp về TMĐT có xu hướng ngày càng gia tăng, chủ yếu là các tranh chấp liên quan đến thông tin cá nhân; về hình thức giao kết hợp đồng thương mại; liên quan tới tội phạm trên không gian mạng; ... Khảo sát về tình trạng lừa đảo TMĐT tại Việt Nam cho thấy, nguyên nhân chủ yếu của các trường hợp tranh chấp là người bán không chuyển hàng hoặc hàng giao không đúng như mô tả. Do vậy, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM) cho rằng việc lựa chọn website uy tín, đảm bảo về chất lượng hàng hóa và giá cả hợp lý là điều quan trọng khi quyết định mua hàng qua mạng. Một website TMĐT uy tín phải hiện thị đầy đủ các thông tin về người bán, thông tin sản phẩm, quy trình mua hàng rõ ràng, quy trình thanh toán và vận chuyển hàng hóa. Đồng thời, phải có chính sách bảo mật thông tin và giải quyết khiếu nại phát sinh hợp lý. Theo nhận định của VECOM, hiện nay các website đa phần vẫn chưa thực hiện

đúng quy định của pháp luật, nhiều trường hợp sau khi có được thông tin của khách hàng đã bán lại hoặc để lộ, gây hậu quả nghiêm trọng như một số vụ mất cắp tài khoản ngân hàng. Ngoài ra, khi cần giải quyết những vấn đề liên quan đến khiếu nại hàng hóa, người mua hàng cũng không có cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền lợi của mình. Vì vậy, để đảm bảo việc mua bán trực tuyến được diễn ra hiệu quả và mang lại lợi ích song phương, điều cơ bản nhất người tiêu dùng nên tìm hiểu kỹ về các website TMĐT đạt tiêu chuẩn uy tín để giao dịch.

I. Những quy định chung

1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp luật về thương mại điện tử quy định về việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Hoạt động thương mại điện tử là việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động hoặc các mạng mở khác.

Hoạt động TMĐT trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, sổ số; mua bán, trao đổi tiền, vàng, ngoại hối và các phương tiện thanh toán khác, dịch vụ đặt cược hoặc trò chơi có thưởng, dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số, dịch vụ phát thanh, truyền hình đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị Định 85/2021 sđ, bs ND52/2013.

2. Đối tượng áp dụng

Theo Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử và NDD85/2021 thì đối tượng áp dụng là các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam;
- Thương nhân, tổ chức nước ngoài có sự hiện diện tại Việt Nam thông qua hoạt động đầu tư, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc thiết lập website dưới tên miền Việt Nam.

ND85 bs - Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Mục 5 Chương 4 tại Việt Nam

Căn cứ điều kiện kinh tế, xã hội và yêu cầu quản lý của từng thời kỳ, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn các biện pháp quản lý đối với thương nhân, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành hoạt động thương mại điện tử với chủ thể Việt Nam.

3. Các hành vi bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử

3.1. Vi phạm về hoạt động kinh doanh thương mại điện tử:

ND52- Tổ chức mạng lưới kinh doanh, tiếp thị cho dịch vụ thương mại điện tử, trong đó mỗi người tham gia phải đóng một khoản tiền ban đầu để mua dịch vụ và được nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc vận động người khác tham gia mạng lưới;

ND85 sửa: - Lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh theo phương thức đa cấp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

- Lợi dụng danh nghĩa hoạt động kinh doanh thương mại điện tử để huy động vốn trái phép từ các thương nhân, tổ chức, cá nhân khác;

- Cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử hoặc dịch vụ giám sát, đánh giá và chứng thực trong thương mại điện tử khi chưa đăng ký hoặc chưa được cấp phép theo các quy định của Nghị định này;

- Cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử hoặc dịch vụ giám sát, đánh giá và chứng thực trong thương mại điện tử không đúng với thông tin trong hồ sơ đăng ký hoặc cấp phép;

- Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin sai sự thật khi thực hiện các thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử, đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, đăng ký hoặc xin cấp phép các dịch vụ giám sát, đánh giá và chứng thực trong thương mại điện tử.

3.2. Vi phạm về thông tin trên website thương mại điện tử:

- Giả mạo thông tin đăng ký hoặc không tuân thủ các quy định về hình thức, quy cách công bố thông tin đăng ký trên website thương mại điện tử;

- Sử dụng biểu trưng của các chương trình đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử khi chưa được những chương trình này công nhận;

- Sử dụng các đường dẫn, biểu trưng hoặc công nghệ khác trên website thương mại điện tử để gây nhầm lẫn về mối liên hệ với thương nhân, tổ chức, cá nhân khác;

- Sử dụng đường dẫn để cung cấp những thông tin trái ngược hoặc sai lệch so với thông tin được công bố tại khu vực website có gắn đường dẫn này.

3.3. Vi phạm về giao dịch trên website thương mại điện tử:

- Thực hiện các hành vi lừa đảo khách hàng trên website thương mại điện tử;

- Giả mạo thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để tham gia hoạt động thương mại điện tử;

- Can thiệp vào hệ điều hành và trình duyệt Internet tại các thiết bị điện tử truy cập vào website nhằm buộc khách hàng lưu lại website trái với ý muốn của mình.

3.4. Các vi phạm khác:

- Đánh cắp, sử dụng, tiết lộ, chuyển nhượng, bán các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác hoặc thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử khi chưa được sự đồng ý của các bên liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- Giả mạo hoặc sao chép giao diện website thương mại điện tử của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để kiếm lợi hoặc để gây nhầm lẫn, gây mất lòng tin của khách hàng đối với thương nhân, tổ chức, cá nhân đó.

Các đặc trưng của thương mại điện tử

So với các hoạt động thương mại truyền thống, TMĐT có một số điểm khác biệt cơ bản sau:

- Các bên tiến hành giao dịch trong TMĐT không tiếp xúc trực tiếp với nhau và không đòi hỏi phải biết nhau từ trước.

TMĐT cho phép mọi người cùng tham gia từ các vùng xa xôi hẻo lánh đến các khu vực đô thị lớn, tạo điều kiện cho tất cả mọi người ở khắp nơi đều có cơ hội ngang nhau tham gia vào thị trường giao dịch toàn cầu và không đòi hỏi nhất thiết phải quen biết với nhau.

- Các giao dịch thương mại truyền thống được thực hiện với sự tồn tại của khái niệm biên giới quốc gia, còn TMĐT được thực hiện trong một thị trường không có biên giới (thị trường thống nhất toàn cầu).

Thị trường trong TMĐT là thị trường phi biên giới. Điều này thể hiện ở chỗ mọi người ở tất cả các quốc gia trên khắp toàn cầu không phải di chuyển tới bất kỳ địa điểm nào mà vẫn có thể tham gia và tiến hành giao dịch TMĐT bằng cách truy cập vào website TMĐT hoặc vào các trang mạng xã hội.

- Trong hoạt động giao dịch TMĐT đều có sự tham gia của ít nhất ba chủ thể, trong đó có một bên không thể thiếu được là người cung cấp dịch vụ mạng, các cơ quan chứng thực.

Nhà cung cấp dịch vụ mạng và cơ quan chứng thực có nhiệm vụ chuyển đi, lưu giữ các thông tin giữa các bên tham gia giao dịch TMĐT, đồng thời họ cũng xác nhận độ tin cậy của các thông tin trong giao dịch TMĐT.

Do đó, để thương mại điện tử phát triển cần có hệ thống pháp luật, chính sách đầy đủ và có sự quản lý sát sao của nhà nước mới tạo môi trường thuận lợi cho các giao dịch thương mại điện tử, khuyến khích các chủ thể tham gia, tạo được lòng tin và bảo vệ người tiêu dùng

II. Quản lý nhà nước về thương mại điện tử

Quản lý nhà nước về thương mại điện tử được hiểu là quá trình nhà nước sử dụng các công cụ quản lý của mình để tác động lên hoạt động thương mại trong môi trường điện tử nhằm đạt được các mục tiêu phát triển thương mại điện tử đã đặt ra.

1. Nội dung quản lý nhà nước về thương mại điện tử

- Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển thương mại điện tử và **chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại**. ND85 bs

- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động thương mại điện tử, tiêu chuẩn, quy chuẩn ứng dụng thương mại điện tử và các quy định về quản lý dịch vụ thương mại điện tử đặc thù.

- Quản lý, giám sát các hoạt động thương mại điện tử.

- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thương mại điện tử.

- Tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong thương mại điện tử.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai, ứng dụng thương mại điện tử.

- Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho thương mại điện tử.

- Thống kê về thương mại điện tử.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại điện tử.

- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động thương mại điện tử.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử

- Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

❖ TÓM TẮT BÀI 1

Trong bài này, một số nội dung chính được giới thiệu:

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

3. Các hành vi bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử

3.1 Vi phạm về hoạt động kinh doanh thương mại điện tử

3.2. Vi phạm về thông tin trên website thương mại điện tử

3.3. Vi phạm về giao dịch trên website thương mại điện tử

3.4. Các vi phạm khác

4. Nội dung quản lý nhà nước về Thương mại điện tử

5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử

❖ CÂU HỎI VÀ TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN BÀI 1

1. Em hãy cho biết đối tượng nào có thể tham gia vào hoạt động thương mại điện tử?
2. Hãy lấy ví dụ về vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử mà em biết?
3. Hãy lấy ví dụ về vi phạm giao dịch trên website TMĐT mà em biết?
4. Trình bày các vi phạm về hoạt động kinh doanh thương mại điện tử
5. Trình bày các vi phạm về thông tin trên website thương mại điện tử
6. Trình bày các hành vi vi phạm về giao dịch trên website thương mại điện tử.
7. Trình bày nội dung quản lý nhà nước về Thương mại điện tử
8. Thảo luận về các hành vi bị cấm trong thương mại điện tử

BÀI 2. CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ TRONG GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI

❖ GIỚI THIỆU BÀI 2

Bài 2 là bài giới thiệu về chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại điện tử; Thời điểm, địa điểm gửi, nhận chứng từ điện tử; Địa điểm kinh doanh của các bên; Lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử để người học có được kiến thức và kỹ năng xử lý khi nhập thông tin trong chứng từ điện tử.

❖ MỤC TIÊU BÀI 2

Sau khi học xong học sinh có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Nêu được giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại

+ Chỉ ra được địa điểm kinh doanh của các bên, lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử

- Về kỹ năng:

+ Biết cách xử lý khi gặp lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử

+ Biết sử dụng hệ thống thông tin tự động trong giao dịch thương mại theo đúng quy định của pháp luật

- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ Tích cực, chủ động trong học tập và rèn luyện

+ Chấp hành các quy định của nhà nước về chứng từ trong giao dịch thương mại

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 2

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 2 (cá nhân hoặc nhóm).*

- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (bài 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống bài 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 2

- Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn

- Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn

- Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...

- Các điều kiện khác: Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 2

- **Nội dung:**

+ *Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong bài 2

+ *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật

+ *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng/ thuyết trình)

+ Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có

NỘI DUNG

BÀI 2 CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ TRONG GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI

I. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại

1. Nhận thức chung về chứng từ điện tử

Trước hết, theo Nghị định 165/2018/NĐ-CP khái niệm về **Chứng từ điện tử trong hoạt động tài chính** (gọi tắt là “chứng từ điện tử”) là: *"Chứng từ điện tử là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử khi thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; bao gồm chứng từ, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận, thông tin giao dịch, thông tin thực hiện thủ tục hành chính và các loại thông tin, dữ liệu khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành."*

Ngoài ra, khái niệm về **Chứng từ điện tử trong hoạt động thương mại** nói rằng: *"Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại (dưới đây gọi tắt là chứng từ điện tử) là hợp đồng, đề nghị, thông báo, xác nhận hoặc các tài liệu khác ở dạng thông điệp dữ liệu do các bên đưa ra liên quan tới việc giao kết hay thực hiện hợp đồng."*

Do vậy, **Chứng từ điện tử phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về quản lý nhà nước, phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành. Hình thức thể hiện, việc khởi tạo, gửi, nhận chứng từ điện tử và giá trị pháp lý của chứng từ điện tử được thực hiện theo Luật giao dịch điện tử.**

Chứng từ điện tử trong Nghị định 52/2013 không bao gồm hồi phiếu, lệnh phiếu, vận đơn, hóa đơn gửi hàng, phiếu xuất nhập kho hay bất cứ chứng từ có thể chuyển nhượng nào cho phép bên nắm giữ chứng từ hoặc bên thụ hưởng được quyền nhận hàng hóa, dịch vụ hoặc được trả một khoản tiền.

2. Điều kiện đảm bảo chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại có giá trị pháp lý như bản gốc

Theo Điều 9 Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử thì chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại có giá trị pháp lý như bản gốc nếu đáp ứng cả hai điều kiện sau:

- Có sự bảo đảm đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong chứng từ điện tử từ thời điểm thông tin được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng chứng từ điện tử;

- Thông tin chứa trong chứng từ điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.

Tiêu chí đánh giá tính toàn vẹn là thông tin còn đầy đủ và chưa bị thay đổi, ngoài những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình trao đổi, lưu trữ hoặc hiển thị chứng từ điện tử.

Tiêu chí về sự bảo đảm đủ tin cậy là khi một trong những biện pháp sau được áp dụng trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên trao đổi và sử dụng chứng từ điện tử:

- + Ký chứng từ điện tử bằng chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hợp pháp cấp;
- + Lưu trữ chứng từ điện tử tại hệ thống của một tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã được cấp phép mà các bên thỏa thuận lựa chọn;
- + Có sự bảo đảm từ phía thương nhân, tổ chức cung cấp hạ tầng cho việc khởi tạo, gửi và lưu trữ chứng từ điện tử về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong chứng từ điện tử trong quá trình gửi và lưu trữ trên hệ thống;
- + Biện pháp khác mà các bên thống nhất lựa chọn.

Và *chứng từ điện tử có giá trị là bản gốc* khi được thực hiện một trong các biện pháp sau:

- Chứng từ điện tử *được ký số* bởi cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi tạo chứng từ chứng từ điện tử và cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
- Hệ thống thông tin *có biện pháp bảo đảm toàn vẹn chứng từ điện tử* trong quá trình truyền gửi, nhận, lưu trữ trên hệ thống; ghi nhận cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã khởi tạo chứng từ điện tử và cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm liên quan đã tham gia xử lý chứng từ điện tử và áp dụng một trong các biện pháp sau để xác thực cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi tạo chứng từ điện tử và cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm liên quan tham gia xử lý chứng từ điện tử: Xác thực bằng chứng thư số, xác thực bằng sinh trắc học, xác thực từ hai yếu tố trở lên trong đó có yếu tố là mã xác thực dùng một lần hoặc mã xác thực ngẫu nhiên.
- Biện pháp khác mà các bên tham gia giao dịch thống nhất lựa chọn, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu, tính xác thực, tính chống chối bỏ, *phù hợp với quy định của Luật giao dịch điện tử*.

Nghị định quy định cụ thể việc chuyển từ chứng từ giấy sang chứng từ điện tử. Theo đó, về phương thức chuyển đổi, *chứng từ giấy được chuyển thành điện tử bằng hình thức sao chụp và chuyển thành tệp tin trên hệ thống thông tin, hoặc nội dung của chứng từ giấy được chuyển thành dữ liệu để lưu vào hệ thống thông tin*.

II. Thời điểm, địa điểm gửi và nhận chứng từ điện tử

1. Thời điểm gửi và nhận chứng từ điện tử

- Thời điểm gửi một chứng từ điện tử là thời điểm chứng từ điện tử đó rời khỏi hệ thống thông tin dưới sự kiểm soát của người khởi tạo hay đại diện của người khởi tạo. Trong trường hợp chứng từ điện tử không rời khỏi hệ thống

thông tin dưới sự kiểm soát của người khởi tạo hay đại diện của người khởi tạo, thời điểm gửi là thời điểm nhận được chứng từ điện tử.

- Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận khác, thời điểm nhận một chứng từ điện tử là thời điểm chứng từ điện tử đó tới được địa chỉ điện tử do người nhận chỉ ra và có thể truy cập được.

2. Địa điểm gửi và nhận chứng từ điện tử

- Địa điểm kinh doanh của người khởi tạo được coi là địa điểm gửi chứng từ điện tử và địa điểm kinh doanh của người nhận được coi là địa điểm nhận chứng từ điện tử.

III. Địa điểm kinh doanh của các bên và thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng không có bên nhận cụ thể

1. Địa điểm kinh doanh của các bên

Căn cứ tại Điều 11 Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định địa điểm kinh doanh của các bên trong giao kết hợp đồng thương mại điện tử như sau:

Địa điểm kinh doanh của mỗi bên là địa điểm do bên đó chỉ ra, trừ khi bên khác nêu rõ bên đó không có địa điểm kinh doanh tại địa điểm này.

- Trong trường hợp một bên có nhiều địa điểm kinh doanh nhưng không chỉ ra địa điểm kinh doanh nào thì địa điểm kinh doanh là địa điểm có mối quan hệ mật thiết nhất với hợp đồng liên quan xét tới mọi bối cảnh trước và tại thời điểm giao kết hợp đồng.

- Trong trường hợp một cá nhân không có địa điểm kinh doanh thì địa điểm kinh doanh là nơi đăng ký thường trú của cá nhân đó.

- Một địa điểm không được coi là địa điểm kinh doanh nếu địa điểm đó chỉ là nơi đặt máy móc, thiết bị công nghệ của hệ thống thông tin do một bên sử dụng để giao kết hợp đồng hoặc chỉ là nơi các bên khác có thể truy cập hệ thống thông tin đó.

- Một địa danh gắn với tên miền hay địa chỉ thư điện tử của một bên không nhất thiết liên quan tới địa điểm kinh doanh của bên đó.

2. Thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng không có bên nhận cụ thể

Một thông báo bằng chứng từ điện tử về đề nghị giao kết hợp đồng mà không có bên nhận cụ thể thì chỉ là thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng. Thông báo đó chưa được coi là đề nghị giao kết hợp đồng, trừ khi bên thông báo chỉ rõ tại thông báo đó trách nhiệm của mình trong trường hợp nhận được trả lời chấp nhận.

IV. Sử dụng hệ thống thông tin tự động và xử lý lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử

1. Sử dụng hệ thống thông tin tự động

Hợp đồng được giao kết từ sự tương tác giữa một hệ thống thông tin tự động với một người hoặc giữa các hệ thống thông tin tự động với nhau không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì không có sự kiểm tra hay can thiệp của con người vào từng hành động cụ thể do các hệ thống thông tin tự động thực hiện hay hợp đồng được giao kết.

2. Xử lý lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử

- Trường hợp một người mắc phải lỗi nhập thông tin trong một chứng từ điện tử được sử dụng để trao đổi với hệ thống thông tin tự động của bên khác nhưng hệ thống thông tin tự động này không hỗ trợ cho người đó sửa lại lỗi thì người đó hoặc thương nhân, tổ chức, cá nhân mà người đó đại diện có quyền rút bỏ phần chứng từ điện tử có lỗi nếu đáp ứng hai điều kiện sau:

+ Ngay khi biết có lỗi, người đó hoặc thương nhân, tổ chức, cá nhân mà người đó đại diện thông báo cho bên kia về lỗi và nêu rõ đã mắc phải lỗi trong chứng từ điện tử này;

+ Người đó hoặc thương nhân, tổ chức, cá nhân mà người đó đại diện vẫn chưa sử dụng hoặc có được bất kỳ lợi ích vật chất hay giá trị nào từ hàng hóa, dịch vụ nhận được từ bên kia.

- Quyền rút bỏ phần chứng từ điện tử có lỗi không ảnh hưởng tới trách nhiệm giải quyết hậu quả các lỗi phát sinh ngoài những quy định nêu trên.

❖ TÓM TẮT BÀI 2

Trong bài này, một số nội dung chính được giới thiệu:

1. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại
2. Thời điểm, địa điểm gửi và nhận chứng từ điện tử
3. Địa điểm kinh doanh của các bên
4. Thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng không có bên nhận cụ thể
5. Sử dụng hệ thống thông tin tự động
6. Lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử

❖ CÂU HỎI VÀ TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN BÀI 2

1. Theo em, chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại có giá trị pháp lý như thế nào?
2. Em hãy cho biết quy định về thời điểm, địa điểm gửi và nhận chứng từ điện tử
3. Em hãy chỉ ra địa điểm kinh doanh của các bên
4. Hãy cho biết quy định của pháp luật khi thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng không có bên nhận cụ thể
5. Nếu gặp sự cố khi sử dụng hệ thống thông tin tự động thì phải xử lý như thế nào?

6. Khi đăng nhập hay kết nối với thiết bị điện tử hoặc quá trình sử dụng các thiết bị điện tử, em có gặp phải sự cố gì khi kết nối không?
7. Thảo luận tình huống gặp lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử

BÀI 3. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

❖ GIỚI THIỆU BÀI 3

Bài 3 là bài giới thiệu Chủ thể của hoạt động thương mại điện tử; Các hoạt động thương mại điện tử; Các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử để người học có được kiến thức đảm bảo tính khoa học, toàn diện, liên tục và có hệ thống. **MỤC TIÊU BÀI 3**

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

- Kiến thức:

- + Nêu được chủ thể của hoạt động thương mại điện tử
- + Chỉ ra được các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử
- + Tuân thủ các quy định của nhà nước về hoạt động thương mại điện tử
- + Nêu được các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử
- + Trình bày được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng
- + Nêu được quy định của pháp luật về thông tin trên website thương mại điện tử bán hàng
- + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử, quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử
- + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử, quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử
- + Nêu được quy định của pháp luật đối với thông tin về hoạt động khuyến mại trên website khuyến mại trực tuyến
- + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến, trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại
- + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến, trách nhiệm của người bán trên website đấu giá trực tuyến
- + Trình bày được điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng, website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

- Kỹ năng:

- + Phân biệt được các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử
- + Phân biệt được các hoạt động thương mại điện tử
- + Giải thích và vận dụng được các quy định của pháp luật vào các hoạt động thương mại điện tử

- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- + Chủ động đọc, tìm kiếm tài liệu học tập

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 3

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 3 (cá nhân hoặc nhóm).
- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (bài 3) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống bài 3 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 3

- Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn
- Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn
- Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...
- Các điều kiện khác: Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 3

- **Nội dung:**
 - + Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong bài 3
 - + Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật
 - + Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
 - Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
 - Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp:**
 - + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng/ thuyết trình/Trắc nghiệm)
 - + Kiểm tra định kỳ lý thuyết: **1 bài**
 - Hình thức: Kiểm tra viết*
 - Thời gian: 45 phút*

NỘI DUNG

BÀI 3 HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

I. Những quy định chung

1. Chủ thể của hoạt động thương mại điện tử

Các chủ thể tham gia hoạt động thương mại điện tử bao gồm:

- Các thương nhân, tổ chức, cá nhân thiết lập website thương mại điện tử để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình (người sở hữu website thương mại điện tử bán hàng).

- Các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.

- Các thương nhân, tổ chức, cá nhân sử dụng website của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình (người bán).

- Các thương nhân, tổ chức, cá nhân mua hàng hóa hoặc dịch vụ trên website thương mại điện tử bán hàng và website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử (khách hàng).

- Các thương nhân, tổ chức cung cấp hạ tầng kỹ thuật, **dịch vụ logistics và các dịch vụ hỗ trợ khác cho hoạt động thương mại điện tử** (thương nhân, tổ chức cung cấp hạ tầng).

2. Các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử

2.1. *Website thương mại điện tử bán hàng* là website thương mại điện tử do các thương nhân, tổ chức, cá nhân thiết lập để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình.

2.2. *Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử* là website thương mại điện tử do thương nhân, tổ chức thiết lập để cung cấp môi trường cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động thương mại. Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử bao gồm các loại sau:

- Sàn giao dịch thương mại điện tử;

- Website đấu giá trực tuyến;

- Website khuyến mại trực tuyến;

- Các loại website khác do Bộ Công Thương quy định.

Với các ứng dụng cài đặt trên thiết bị điện tử có nối mạng cho phép người dùng truy cập vào cơ sở dữ liệu của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để mua bán hàng hóa, cung ứng hoặc sử dụng dịch vụ, tùy theo tính năng của ứng dụng đó mà thương nhân, tổ chức phải tuân thủ các quy định về website thương mại điện tử bán hàng hoặc website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử theo Nghị định 52/2013.

Bộ Công Thương quy định cụ thể về các hoạt động thương mại điện tử tiến hành trên mạng viễn thông di động.

3. Các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử

- Nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong giao dịch thương mại điện tử

Các chủ thể tham gia hoạt động thương mại điện tử có quyền tự do thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật để xác lập quyền và nghĩa vụ của từng bên trong giao dịch. Thỏa thuận này là căn cứ để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình giao dịch.

- Nguyên tắc xác định phạm vi hoạt động kinh doanh trong thương mại điện tử

Nếu thương nhân, tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và xúc tiến thương mại trên website thương mại điện tử không nêu cụ thể giới hạn địa lý của những hoạt động này, thì các hoạt động kinh doanh đó được coi là tiến hành trên phạm vi cả nước.

- Nguyên tắc xác định nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử

+ Người sở hữu website thương mại điện tử bán hàng và người bán trên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử phải tuân thủ các quy định của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng;

+ Khách hàng trên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử là người tiêu dùng dịch vụ thương mại điện tử và là người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ do người bán trên website này cung cấp;

+ Trường hợp thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử thực hiện dịch vụ cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ của người bán đến người tiêu dùng trên Website TMĐT thì thương nhân, tổ chức đó là bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

+ Nguyên tắc kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thông qua thương mại điện tử

Hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan

NĐ85 bs: Các chủ thể tham gia HĐTMĐT có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng và pháp luật có liên quan khác

II. Các hoạt động thương mại điện tử

Hiện nay chúng ta đang thiết lập hành lang pháp lý cho các giao dịch TMĐT được tiến hành một cách minh bạch, trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, qua đó tạo điều kiện để TMĐT phát triển, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và xây dựng các tập quán thương mại hiện đại cho Việt Nam. Tuy nhiên, để hoạt động kinh doanh TMĐT được kiểm soát chặt chẽ hơn, nhưng không “làm khó” cho chủ thể tham gia hoạt động này.

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện đại, bên cạnh website TMĐT, các mạng xã hội, đặc biệt là Facebook, được sử dụng rất phổ biến ở Việt Nam. Hiện số người sử dụng các diễn đàn mạng xã hội để mua sắm trực tuyến cũng gia tăng. Số doanh nghiệp sử dụng nền tảng di động như kênh liên lạc giữa nhà bán lẻ và người tiêu dùng ngày càng tăng. Do đó, quản lý các mạng xã hội kinh doanh TMĐT cũng như nền tảng di động cũng không kém phần cấp thiết.

Thực tế cho thấy, cơ quan chức năng cũng chưa có quy định rõ ràng đối với danh sách các website TMĐT khuyến cáo người tiêu dùng thận trọng; thiếu hướng dẫn chi tiết về quy trình giao kết hợp đồng mua hàng trực tuyến cũng như những cảnh báo cần thiết đối với người tham gia loại hình dịch vụ này. Tại Mục 2 của Nghị định 52/2013/NĐ-CP dành 8 điều để quy định về quy trình giao kết hợp đồng giữa người bán hàng trực tuyến với người mua. Theo Điều 23 Nghị định 52/2013/NĐ-CP, quy định: “*Bộ Công thương có trách nhiệm quy định cụ thể về quy trình giao kết hợp đồng trực tuyến trên website TMĐT do thương nhân, tổ chức, cá nhân lập ra để mua hàng hóa, dịch vụ.*”, nhưng cho đến nay vẫn chưa có hướng dẫn chi tiết này. Nếu cho rằng, trước đây Bộ Công thương đã ban hành Thông tư 09/2008/TT-BCT ngày 21/7/2008, hướng dẫn về cung cấp thông tin và giao kết hợp đồng trên website TMĐT, nay không cần phải quy định gì thêm là không phù hợp. Vì, tại thời điểm Thông tư 09/2008/TT-BCT được ban hành, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này chưa được ban hành, chính vì vậy, việc quy định như tại Điều 23 Nghị định 52/2013/NĐ-CP là cần thiết, nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng khi tham gia giao dịch TMĐT. Vậy, theo pháp luật hiện hành, hoạt động của Website thương mại điện tử bán hàng được quy định như thế nào, sau đây chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nội dung:

1. Hoạt động của Website thương mại điện tử bán hàng

Website thương mại điện tử là trang thông tin điện tử được thiết lập để phục vụ một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động mua bán hàng hóa hay cung ứng dịch vụ, từ trưng bày giới thiệu hàng hóa, dịch vụ đến giao kết hợp đồng, cung ứng dịch vụ, thanh toán và dịch vụ sau bán hàng.

1. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng

- Thông báo với Bộ Công Thương về việc thiết lập website thương mại điện tử bán hàng theo quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định 52/2013 nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến

- Thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin trên website theo các quy định tại Mục này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin.

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng quy định tại Mục 1 Chương V Nghị định 52/2013.

- Thực hiện các quy định, tại Mục 2 Chương II Nghị định 52/2013 nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến.

- Thực hiện các quy định tại Mục 2 Chương V Nghị định 52/2013 nếu website có chức năng thanh toán trực tuyến.

- Cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của mình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ hoạt động thống kê thương mại điện tử, hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thương mại điện tử.

- Lưu trữ thông tin về các giao dịch được thực hiện qua website theo quy định của pháp luật về kế toán (NĐ85 bs); Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

1.2 Thông tin trên website thương mại điện tử bán hàng

Website thương mại điện tử bán hàng phải cung cấp đầy đủ thông tin về người sở hữu website, hàng hóa, dịch vụ và các điều khoản của hợp đồng mua bán áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ được giới thiệu trên website theo quy định từ Điều 29 đến Điều 34 Nghị định 52/2013. Những thông tin này phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Rõ ràng, chính xác, dễ tìm và dễ hiểu;

- Được sắp xếp tại các mục tương ứng trên website và có thể truy cập bằng phương pháp trực tuyến;

- Có khả năng lưu trữ, in và hiển thị được về sau;

- Được hiển thị rõ đối với khách hàng trước thời điểm khách hàng gửi đề nghị giao kết hợp đồng.

NĐ85 bs- Công bố trên trang chủ website đường dẫn đến các thông tin trên trong trường hợp website có chức năng đặt hàng trực tuyến

1.2.1. Thông tin về người sở hữu website

Thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng phải công bố những thông tin tối thiểu sau trên trang chủ website:

- Tên và địa chỉ trụ sở của thương nhân, tổ chức hoặc tên và địa chỉ thường trú của cá nhân.

- Số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân, hoặc số, ngày cấp và đơn vị cấp quyết định thành lập của tổ chức, hoặc mã số thuế cá nhân của cá nhân.

- Số điện thoại hoặc một phương thức liên hệ trực tuyến khác để tiếp nhận phản ánh về chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

1.2.2. Thông tin về hàng hóa, dịch vụ

- Đối với hàng hóa, dịch vụ được giới thiệu trên website, người bán phải cung cấp những thông tin để khách hàng có thể xác định chính xác các đặc tính của hàng hóa, dịch vụ nhằm tránh sự hiểu nhầm khi quyết định việc đề nghị giao kết hợp đồng.
- Thông tin về hàng hóa công bố trên website phải bao gồm các nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn mác hàng hóa theo quy định trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm như: năm, tháng, ngày sản xuất, hạn sử dụng, số lô sản xuất, số khung, số máy
- Người bán hàng hóa, dịch vụ phải đáp ứng điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và phải công bố ngày cấp, nơi cấp Giấy phép kinh doanh, văn bản xác nhận về điều kiện kinh doanh các ngành nghề đó

1.2.3. Thông tin về giá cả

- Thông tin về giá hàng hóa hoặc dịch vụ, nếu có, phải thể hiện rõ giá đó đã bao gồm hay chưa bao gồm những chi phí liên quan đến việc mua hàng hóa hoặc dịch vụ như thuế, phí đóng gói, phí vận chuyển và các chi phí phát sinh khác.

- Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, nếu thông tin giá hàng hóa hoặc dịch vụ niêm yết trên website không thể hiện rõ giá đó đã bao gồm hay chưa bao gồm những chi phí liên quan đến việc mua hàng hóa hoặc dịch vụ như thuế, phí đóng gói, phí vận chuyển và các chi phí phát sinh khác thì giá này được hiểu là đã bao gồm mọi chi phí liên quan nói trên.

- Đối với dịch vụ trên các sàn giao dịch thương mại điện tử và đấu giá trực tuyến, website phải công bố thông tin chi tiết về cách thức tính phí dịch vụ và cơ chế thanh toán.

1.2.4. Thông tin về điều kiện giao dịch chung

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân phải công bố những điều kiện giao dịch chung đối với hàng hóa hoặc dịch vụ giới thiệu trên website, bao gồm:

+ Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ, như giới hạn về thời gian hay phạm vi địa lý, nếu có;

+ Chính sách kiểm hàng, chính sách hoàn trả, bao gồm thời hạn hoàn trả, phương thức trả hoặc đổi hàng đã mua, cách thức lấy lại tiền, chi phí cho việc hoàn trả này;

+ Chính sách bảo hành sản phẩm, nếu có;

+ Các tiêu chuẩn dịch vụ, quy trình cung cấp dịch vụ, biểu phí và các điều khoản khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ, bao gồm cả những điều kiện và hạn chế nếu có;

+ Nghĩa vụ của người bán và nghĩa vụ của khách hàng trong mỗi giao dịch.

- Các điều kiện giao dịch chung phải có màu chữ tương phản với màu nền của phần website đăng các điều kiện giao dịch chung đó và ngôn ngữ thể hiện điều kiện giao dịch chung phải bao gồm tiếng Việt.
- Trong trường hợp website có chức năng đặt hàng trực tuyến, người bán phải có cơ chế để khách hàng đọc và bày tỏ sự đồng ý riêng với các điều kiện giao dịch chung trước khi gửi đề nghị giao kết hợp đồng.

1.2.5. Thông tin về vận chuyển và giao nhận

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân phải công bố những thông tin sau về điều kiện vận chuyển và giao nhận áp dụng cho hàng hóa hoặc dịch vụ giới thiệu trên website:

- + Các phương thức giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ;
- + Thời hạn ước tính cho việc giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ, có tính đến yếu tố khoảng cách địa lý và phương thức giao hàng;
- + Các giới hạn về mặt địa lý cho việc giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ, nếu có.

+ NB 85bs: Phân định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ logistics về cung cấp chứng từ hàng hóa trong quá trình giao nhận

- Trường hợp phát sinh chậm trễ trong việc giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ, thương nhân, tổ chức, cá nhân phải có thông tin kịp thời cho khách hàng và tạo cơ hội để khách hàng có thể hủy hợp đồng nếu muốn.

1.2.6. Thông tin về các phương thức thanh toán

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân phải công bố toàn bộ các phương thức thanh toán áp dụng cho hàng hóa hoặc dịch vụ giới thiệu trên website, kèm theo giải thích rõ ràng, chính xác để khách hàng có thể hiểu và lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp.

- Nếu website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến, thương nhân, tổ chức, cá nhân phải thiết lập cơ chế để khách hàng sử dụng chức năng này được rà soát và xác nhận thông tin chi tiết về từng giao dịch thanh toán trước khi thực hiện việc thanh toán.

2. Hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử

Sàn giao dịch thương mại điện tử là website thương mại điện tử cho phép các thương nhân, tổ chức, cá nhân không phải chủ sở hữu website có thể tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên đó.

Sàn giao dịch thương mại điện tử trong Nghị định 52/2013 không bao gồm các website giao dịch chứng khoán trực tuyến.

2.1. Cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử là thương nhân, tổ chức thiết lập website thương mại điện tử để các thương nhân,

tổ chức, cá nhân khác có thể tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên đó.

- Các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử:

+ Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ;

+ Website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng;

+ Website có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ;

+ Mạng xã hội có một trong những hình thức hoạt động trên và người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động đó

- Website hoạt động theo phương thức sở giao dịch hàng hóa:

+ Thương nhân, tổ chức thiết lập website thương mại điện tử, trên đó cho phép người tham gia tiến hành mua bán hàng hóa theo phương thức của sở giao dịch hàng hóa thì phải có giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa và tuân thủ các quy định pháp luật về sở giao dịch hàng hóa;

+ Bộ Công Thương quy định cụ thể cơ chế giám sát, kết nối thông tin giao dịch giữa cơ quan quản lý nhà nước với sở giao dịch hàng hóa và các yêu cầu khác về hoạt động của website hoạt động theo phương thức sở giao dịch hàng hóa.

2.2. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử

- Đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử theo quy định tại Mục 2 Chương IV Nghị định này và công bố các thông tin về người sở hữu website trên trang chủ website.

- Xây dựng và công bố công khai trên website quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử theo quy định tại Điều 38 Nghị định này; theo dõi và bảo đảm việc thực hiện quy chế đó trên sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Yêu cầu người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 29 Nghị định 52/2013 khi đăng ký sử dụng dịch vụ. Với người bán là người nước ngoài, các tên riêng được phiên âm tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh

- Có cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử được thực hiện chính xác, đầy đủ.

- Lưu trữ thông tin đăng ký của các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử và thường xuyên cập nhật những thông tin thay đổi, bổ sung có liên quan.

- Thiết lập cơ chế cho phép thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện được quy trình giao kết hợp đồng theo quy

định tại Mục 2 Chương II Nghị định 52/2013 nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến.

- Áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của thương nhân, tổ chức, cá nhân và thông tin cá nhân của người tiêu dùng.

- Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật trên sàn giao dịch thương mại điện tử.

NĐ 85bs a) Ngăn chặn và loại bỏ khỏi website những thông tin mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Gỡ bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ rà soát và gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy trình, thủ tục công bố tại Quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử;

d) Cảnh cáo hoặc từ chối cung cấp dịch vụ có thời hạn hoặc vĩnh viễn đối với những cá nhân, thương nhân, tổ chức có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật;

đ) Các biện pháp khác theo Quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra, xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp, khiếu nại

a) Cung cấp thông tin về đối tượng có dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật trên sàn giao dịch thương mại điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hoặc nhận được các thông tin nêu trên;

b) Thường xuyên cập nhật từ khóa theo khuyến cáo từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và lọc thông tin theo từ khóa trước khi thông tin về hàng hóa, dịch vụ hiển thị trên website;

c) Tiếp nhận, phản hồi thông tin để giải quyết khiếu nại, phản ánh và tranh chấp liên quan đến sàn giao dịch thương mại điện tử tại Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ online.gov.vn

- Công bố công khai cơ chế giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình giao dịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử. Khi khách hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử phát sinh mâu thuẫn với người bán hoặc bị tổn hại lợi ích hợp pháp, phải cung cấp cho khách hàng thông tin về người bán, tích cực hỗ trợ khách hàng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Bổ sung khoản 11 Điều 36 như sau:

“11. Đối với những sàn giao dịch thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến, ngoài các nghĩa vụ trên, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm:

- a) Chỉ định đầu mối tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin trực tuyến cho cơ quan quản lý nhà nước về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; đầu mối này sẽ cung cấp thông tin trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu để kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- b) Đại diện cho người bán nước ngoài trên sàn giao dịch thương mại điện tử giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp và có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ thuế của người bán nước ngoài khi tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- c) Là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng trong trường hợp một giao dịch thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử có nhiều hơn 02 bên tham gia;
- d) Lưu trữ thông tin về các giao dịch đặt hàng được thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về kế toán;
- đ) Liên đới bồi thường thiệt hại trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 8, khoản 9 Điều này mà gây thiệt hại.”

2.3. Trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử

- Cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin quy định tại Điều 29 Nghị định 52/2013 cho thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử khi đăng ký sử dụng dịch vụ.
- Cung cấp đầy đủ thông tin về hàng hóa, dịch vụ theo quy định từ Điều 30 đến Điều 34 Nghị định 52/2013 khi bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử.
- Đảm bảo tính chính xác, trung thực của thông tin về hàng hóa, dịch vụ cung cấp trên sàn giao dịch thương mại điện tử.
- Thực hiện các quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định 52/2013 khi ứng dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên sàn giao dịch thương mại điện tử.
- Cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của mình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ hoạt động thống kê thương mại điện tử.
- Tuân thủ quy định của pháp luật về thanh toán, quảng cáo, khuyến mại, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định của pháp luật có liên quan khác khi bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

2.4. Quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử

- Quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử phải được thể hiện trên trang chủ của website.

- Quy chế hoạt động sàn giao dịch thương mại điện tử phải bao gồm các nội dung sau:

+ Quyền và nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử;

+ Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử;

+ Nếu sàn giao dịch thương mại điện tử có kết hợp nhiều hình thức hoạt động khác nhau, mô tả quy trình giao dịch đối với từng hình thức tổ chức hoạt động này, bao gồm quy trình giao nhận hàng hóa (nếu có);

+ Quyền và nghĩa vụ của các bên trong các giao dịch được thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử, trường hợp một giao dịch có nhiều hơn 02 bên tham gia thì phải phân định rõ trách nhiệm giữa các bên bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ;

+ Giới hạn trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử trong những giao dịch thực hiện trên sàn;

+ Các quy định về an toàn thông tin, cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin và quản lý thông tin trên sàn giao dịch thương mại điện tử

+ Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp giữa các bên liên quan đến giao dịch tiến hành trên sàn giao dịch thương mại điện tử;

+ Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử theo quy định tại Điều 69 Nghị định 52/2013;

+ Biện pháp xử lý với các hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng trên sàn giao dịch thương mại điện tử;

+ Biện pháp xử lý vi phạm đối với những người không tuân thủ quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử.

Bổ sung điểm m, điểm n và điểm o khoản 2 Điều 38 như sau:

+ Phân định trách nhiệm về cung cấp chứng từ hàng hóa giữa người bán, bên cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử và bên cung cấp dịch vụ logistics trong trường hợp có giao kết sử dụng dịch vụ logistics của bên thứ ba;

+ Quy trình phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ rà soát và gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên sàn giao dịch thương mại điện tử;

+ Chính sách áp dụng chung cho các giao dịch trên sàn liên quan đến vấn đề kiểm hàng, chính sách đổi trả, chính sách hoàn tiền (bao gồm những trường hợp hoàn tiền, quy trình và phương thức hoàn tiền cho khách hàng) trong trường hợp sàn giao dịch thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến.”

- Khi có thay đổi về một trong các nội dung nêu tại Khoản 2 Điều 38 ND 52/2013, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện

từ phải thông báo cho tất cả các đối tượng sử dụng dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử ít nhất 5 ngày trước khi áp dụng những thay đổi đó.

III. Hoạt động của Website khuyến mại trực tuyến

Website khuyến mại trực tuyến là website thương mại điện tử do thương nhân, tổ chức thiết lập để thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác theo các điều khoản của hợp đồng dịch vụ khuyến mại.

1. Cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến là thương nhân, tổ chức thiết lập website khuyến mại trực tuyến để thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác (gọi tắt là đối tác) theo các điều khoản của hợp đồng dịch vụ khuyến mại.

- Các hình thức của dịch vụ khuyến mại trực tuyến:

+ Bán phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ để khách hàng được mua hàng hoặc sử dụng dịch vụ của đối tác với giá ưu đãi hoặc hưởng những lợi ích khác;

+ Bán các thẻ khách hàng thường xuyên cho phép khách hàng sử dụng hàng hóa, dịch vụ từ một hệ thống các đối tác với giá ưu đãi hoặc hưởng những lợi ích khác so với khi mua hàng hóa, dịch vụ tại từng đối tác riêng lẻ;

+ Các hình thức của dịch vụ khuyến mại trực tuyến khác do Bộ Công Thương quy định.

2. Thông tin về hoạt động khuyến mại trên website khuyến mại trực tuyến

- Thông tin về từng hoạt động khuyến mại đăng tải trên website khuyến mại trực tuyến phải bao gồm các nội dung sau:

+ Tên, địa chỉ, số điện thoại và các thông tin liên hệ khác của thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;

+ Mô tả hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, trong đó bao gồm các thông tin về xuất xứ hàng hóa, quy cách, chất lượng hàng hóa và dịch vụ;

+ Thời gian khuyến mại, ngày bắt đầu, ngày kết thúc và địa bàn hoạt động khuyến mại;

+ Giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ trước thời điểm được khuyến mại;

+ Tổng chi phí thực tế khách hàng phải trả để sở hữu hàng hóa, sử dụng dịch vụ được khuyến mại, bao gồm cả chi phí trả cho thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến;

+ Nội dung cụ thể của các điều kiện gắn với việc khuyến mại hàng hóa, dịch vụ.

- Nếu website có cơ chế tiếp nhận ý kiến đánh giá hoặc phản hồi trực tuyến của khách hàng về hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, những ý kiến này phải được hiển thị công khai trên website để những khách hàng khác xem được

3. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến

- Đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến theo quy định tại Mục 2 Chương IV Nghị định 52/2013.
- Tuân thủ các quy định của Luật thương mại và các quy định pháp luật có liên quan về hoạt động khuyến mại.
- Tuân thủ các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng
- Thực hiện các quy định đối với website có chức năng đặt hàng trực tuyến cho các phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ hoặc thẻ khách hàng thường xuyên.
- Thực hiện các quy định của pháp luật nếu website có chức năng thanh toán trực tuyến.
- Công bố đầy đủ các nội dung trong từng thông tin khuyến mại đăng tải trên website của mình.
- Xây dựng và công bố trên website quy chế hoạt động của mình
- Xây dựng và công bố trên website cơ chế tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại của khách hàng về chất lượng hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại hoặc hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại.
- Chịu trách nhiệm của bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng theo quy định của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Bồi thường cho khách hàng nếu phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ hoặc thẻ khách hàng thường xuyên do mình phát hành bị đối tác từ chối trái với các điều kiện đã công bố trên website hoặc trên chính phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ, thẻ khách hàng thường xuyên đó.

4. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại

- Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại.
- Thực hiện đúng các cam kết về chất lượng hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại theo như thông tin đã cung cấp.

5. Hợp đồng dịch vụ khuyến mại

- Hợp đồng dịch vụ khuyến mại giữa thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến với thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật thương mại và phải có các nội dung sau:

+ Phân định trách nhiệm giữa các bên trong việc thực hiện các trình tự, thủ tục để thực hiện hoạt động khuyến mại theo quy định của pháp luật về khuyến mại;

+ Quy định cụ thể nghĩa vụ giải quyết khiếu nại và bồi thường cho khách hàng trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại hoặc hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại không phù hợp với nội dung đã thông báo hay cam kết.

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nếu hợp đồng dịch vụ khuyến mại không quy định cụ thể những nội dung nêu trên.

IV. Hoạt động của Website đấu giá trực tuyến

Website đấu giá trực tuyến là website thương mại điện tử cung cấp giải pháp cho phép thương nhân, tổ chức, cá nhân không phải chủ sở hữu website có thể tổ chức đấu giá cho hàng hóa của mình trên đó.

1. Cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến (dưới đây gọi tắt là người cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến) là thương nhân, tổ chức thiết lập website đấu giá trực tuyến để các thương nhân, tổ chức, cá nhân khác có thể tổ chức đấu giá cho hàng hóa của mình trên đó.

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến nếu không đăng ký kinh doanh dịch vụ đấu giá thì không được đứng ra tổ chức đấu giá trực tuyến.

2. Yêu cầu về hệ thống kỹ thuật phục vụ hoạt động đấu giá trực tuyến

- Hệ thống kỹ thuật phục vụ hoạt động đấu giá trực tuyến phải có các chức năng tối thiểu sau:

+ Ghi nhận và lưu trữ mọi mức giá được trả trong một cuộc đấu giá;

+ Sau thời điểm bắt đầu một cuộc đấu giá, cứ 30 (ba mươi) giây một lần hiển thị trên website mức giá cao nhất được ghi nhận và người trả mức giá đó để mọi bên tham gia cuộc đấu giá có thể xem được.

- Trường hợp hệ thống không cho phép người tham gia đấu giá rút lại giá đã trả, hệ thống phải có thông báo rõ ràng đối với người tham gia đấu giá về việc này ngay trước thời điểm đấu giá. Thông báo phải nêu cụ thể trách nhiệm của người tham gia đấu giá trong trường hợp trả giá nhưng không mua hàng.

3. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến

- Đăng ký website đấu giá trực tuyến theo quy định tại Mục 2 Chương IV Nghị định 52.

- Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 36 Nghị định 52.

- Ấn định phương thức và trình tự đấu giá trực tuyến.

- Xây dựng hệ thống kỹ thuật phục vụ hoạt động đấu giá trực tuyến để người bán hàng có thể tổ chức đấu giá theo phương thức và trình tự đã ấn định.
- Cung cấp công cụ trực tuyến để người bán hàng có thể thông báo, niêm yết công khai, đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết có liên quan đến hàng hóa đấu giá.
- Cung cấp công cụ trực tuyến để người bán hàng có thể đăng tải hình ảnh về hàng hóa, mẫu hàng hóa hoặc tài liệu giới thiệu về hàng hóa cho người tham gia đấu giá xem xét.
- Cung cấp cho người bán hàng thông tin về diễn biến cuộc đấu giá mà người bán hàng tổ chức khi có yêu cầu.
- Lập thông báo kết quả đấu giá và gửi đến người bán hàng, người mua hàng và các bên có liên quan theo quy định tại Điều 51 Nghị định 52.
- Chịu trách nhiệm trong trường hợp lỗi của hệ thống kỹ thuật khiến cuộc đấu giá không thực hiện được:

+ Nếu lỗi của hệ thống kỹ thuật khiến cuộc đấu giá không bắt đầu được vào thời điểm người bán dự định tổ chức đấu giá, người cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến phải hoàn trả cho người bán mọi chi phí liên quan đến việc tổ chức đấu giá mà người bán đã thanh toán cho người cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến;

+ Nếu lỗi của hệ thống kỹ thuật khiến người tham gia đấu giá không tiếp tục trả giá được sau khi cuộc đấu giá bắt đầu, thì người cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến phải hủy kết quả đấu giá và cho phép người bán tổ chức đấu giá lại, đồng thời chịu mọi chi phí liên quan đến việc tổ chức đấu giá lại này.

4. Trách nhiệm của người bán trên website đấu giá trực tuyến

- Thông báo, niêm yết công khai, đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết liên quan đến hàng hóa được bán đấu giá.
- Công bố giá khởi điểm; mức giá chấp nhận bán, nếu có.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, quy cách của hàng hóa được bán đấu giá.
- Giải quyết các khiếu nại của người mua về hàng hóa được bán đấu giá.
- Không bán hàng hóa là đối tượng cầm cố, thế chấp hoặc đang có tranh chấp.
- Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 37 Nghị định 52/2013.

5. Địa điểm và thời gian đấu giá

- Địa điểm đấu giá là nơi đăng ký thường trú hoặc trụ sở của người bán hàng.
- Thời gian đấu giá do người bán quyết định.
- Thời điểm trả giá của người tham gia đấu giá là thời điểm gửi chứng từ điện tử thông báo việc trả một mức giá nhất định trong một cuộc đấu giá.
- Thời điểm ghi nhận một mức giá đã trả là thời điểm hệ thống thông tin của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến nhận được chứng từ điện tử thông báo việc trả giá của người tham gia đấu giá.

6. Thông báo đấu giá hàng hóa

Thông báo đấu giá hàng hóa được thực hiện tại website đấu giá trực tuyến và phải bao gồm các nội dung sau:

- Thời gian bắt đầu tiến hành đấu giá.
- Thời gian kết thúc đấu giá.
- Thông tin liên hệ của người bán.
- Thông tin cần thiết liên quan đến hàng hóa.
- Giá khởi điểm.
- Mức giá chấp nhận bán, nếu có.
- Thời hạn và phương thức thanh toán.
- Thời hạn và phương thức giao hàng cho người mua sau khi đấu giá kết thúc.
- Trường hợp đối tượng đấu giá là hàng hóa phải đăng ký sở hữu theo quy định của pháp luật, thông báo đấu giá hàng hóa phải bao gồm thêm các nội dung sau:
 - + Thời gian và địa điểm trưng bày hàng hóa;
 - + Thời gian và địa điểm tham khảo hồ sơ hàng hóa;
 - + Thời gian và địa điểm đăng ký mua hàng hóa;
 - + Thời gian và cách thức tiến hành thủ tục chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa.

7. Xác định người mua hàng

- Đối với phương thức trả giá lên, người mua hàng là người đầu tiên có mức trả giá sau cùng cao hơn giá của người trước và cao hơn mức giá chấp nhận bán, được hệ thống thông tin của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến ghi nhận trước thời điểm kết thúc đấu giá.
- Đối với phương thức đặt giá xuống, người mua hàng là người đầu tiên chấp nhận mức giá khởi điểm hoặc mức giá hạ thấp hơn mức giá khởi điểm; được hệ thống thông tin của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến ghi nhận trước thời điểm kết thúc đấu giá.
- Trường hợp có nhiều người đồng thời trả mức giá cuối cùng đối với phương thức trả giá lên hoặc mức giá đầu tiên đối với phương thức đặt giá xuống, người bán phải tổ chức rút thăm giữa những người đó để quyết định người mua hàng.

8. Thông báo kết quả đấu giá

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến phải lập thông báo kết quả đấu giá hàng hóa ngay sau thời điểm kết thúc đấu giá, kể cả trong trường hợp đấu giá không thành.
- Thông báo phải ghi rõ các thông tin về hàng hóa, mức giá cuối cùng được trả, thời điểm hệ thống nhận được mức trả giá cuối cùng, thông tin liên hệ của người mua hàng.
- Đối với hàng hóa mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu, thông báo kết quả đấu giá hàng hóa là căn cứ để lập hợp đồng mua bán tài sản

đấu giá và thực hiện các thủ tục có liên quan để chuyển quyền sở hữu đối với hàng hóa đó.

- Thông báo kết quả đấu giá sẽ được gửi về địa chỉ điện tử đã đăng ký với thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến của người bán và người mua hàng.

- Trường hợp có nhiều người đồng thời trả mức giá cuối cùng đối với phương thức trả giá lên hoặc mức giá đầu tiên đối với phương thức đặt giá xuống, hệ thống phải gửi thông báo đến tất cả những người này và yêu cầu họ thực hiện rút thăm để quyết định người mua. Hình thức tổ chức rút thăm do người bán quyết định.

❖ TÓM TẮT BÀI 3

Trong bài này, một số nội dung chính được giới thiệu:

1. Chủ thể của hoạt động thương mại điện tử
2. Các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử
3. Các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử
4. Hoạt động của website thương mại điện tử bán hàng
5. Hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử
6. Hoạt động của website khuyến mại trực tuyến
7. Hoạt động của website đấu giá trực tuyến

❖ CÂU HỎI VÀ TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN BÀI 3

1. Hãy chỉ ra những đối tượng tham gia vào hoạt động thương mại điện tử mà em biết
2. Theo em, kinh doanh trên Website thương mại điện tử khác gì với kinh doanh truyền thống?
3. Theo em, khi kinh doanh trên Website thương mại điện tử, chủ sở hữu Website phải có nghĩa vụ gì?
4. Nêu trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử
5. Chỉ ra trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử
6. Trình bày trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến
7. Hãy cho biết trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại
8. Nêu các yêu cầu về hệ thống kỹ thuật phục vụ hoạt động đấu giá trực tuyến
9. Trình bày trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến
10. Hãy nêu trách nhiệm của người bán trên website đấu giá trực tuyến
11. Thảo luận về trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử

12. Thảo luận về quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử

BÀI 4 QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

❖ GIỚI THIỆU BÀI 4

Bài 4 là bài giới thiệu điều kiện, thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng; Điều kiện, thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; Hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử để người học có được kiến thức đảm bảo tính khoa học, toàn diện, liên tục và có hệ thống.

MỤC TIÊU BÀI 4

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

- Kiến thức:

+ Trình bày được điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng, website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

+ Trình bày được thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng

+ Nêu được điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

+ Trình bày được thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

+ Trình bày được hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử

+ Trình bày được hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử

+ Nêu được trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử, chức năng của cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử

+ Nêu được trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử, chức năng của cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử

- Kỹ năng:

+ Vận dụng quy định của pháp luật để tiến hành thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng, website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

+ Biết vận dụng kiến thức được học để sử dụng trang thông tin điện tử

- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ Chủ động, tích cực trong học tập

+ Có thái độ ủng hộ quy định của nhà nước đối với hoạt động thương mại điện tử

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 4

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 4 (cá nhân hoặc nhóm).*

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (bài 4) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống bài 4 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

❖ **ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 4**

- Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn
- Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn
- Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...
- Các điều kiện khác: Không có

❖ **KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 4**

- **Nội dung:**
 - + Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong bài 4
 - + Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật
 - + Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
 - Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
 - Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp:**
 - + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng/ thuyết trình/Trắc nghiệm)
 - + Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có

NỘI DUNG

BÀI 4 QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

I. Quản lý Website thương mại điện tử bán hàng

1. Điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng

Theo Điều 52 ND 52/2013, các thương nhân, tổ chức, cá nhân được thiết lập website thương mại điện tử bán hàng nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Là thương nhân, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ phù hợp hoặc cá nhân đã được cấp mã số thuế cá nhân.
- Có website với tên miền hợp lệ và tuân thủ các quy định về quản lý thông tin trên Internet.
- Đã thông báo với Bộ Công Thương về việc thiết lập website thương mại điện tử bán hàng theo quy định tại Điều 53 Nghị định 52.

2. Thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân tiến hành thông báo trực tuyến với Bộ Công Thương về việc thiết lập website TMĐT bán hàng thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử trước khi chính thức bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đến người tiêu dùng;
- Thông tin phải thông báo bao gồm:
 - + Tên miền của website thương mại điện tử;
 - + Loại hàng hóa, dịch vụ giới thiệu trên website;
 - + Tên đăng ký của thương nhân, tổ chức hoặc tên của cá nhân sở hữu website;
 - + Địa chỉ trụ sở của thương nhân, tổ chức hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân;
 - + Số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân, hoặc số, ngày cấp và đơn vị cấp quyết định thành lập của tổ chức; hoặc mã số thuế cá nhân của cá nhân;
 - + Tên, chức danh, số chứng minh nhân dân, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện thương nhân, người chịu trách nhiệm đối với website thương mại điện tử;
 - + Các thông tin khác theo quy định của Bộ Công Thương.

II. Quản lý Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

1. Điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

Thương nhân, tổ chức được thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử quy định tại Mục 2, 3 và 4 Chương III Nghị định 52 khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Là thương nhân, tổ chức có ngành nghề kinh doanh hoặc chức năng, nhiệm vụ phù hợp.
- Có website với tên miền hợp lệ và tuân thủ các quy định về quản lý thông tin trên Internet.
- Có đề án cung cấp dịch vụ trong đó nêu rõ các nội dung sau:
 - + Mô hình tổ chức hoạt động, bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động xúc tiến, tiếp thị dịch vụ cả trong và ngoài môi trường trực tuyến; hoạt động logistics đối với hàng hóa.
 - + Cấu trúc, tính năng và các mục thông tin chủ yếu trên website cung cấp dịch vụ;
 - + Phân định quyền và trách nhiệm giữa thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử với các bên sử dụng dịch vụ.
- Đã đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử và được Bộ Công Thương xác nhận đăng ký theo quy định tại Điều 55 và 58 Nghị định 52.

2. Thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

- Thương nhân, tổ chức tiến hành đăng ký trực tuyến với Bộ Công Thương về việc thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử sau khi website đã được hoàn thiện với đầy đủ cấu trúc, tính năng và thông tin theo đề án cung cấp dịch vụ, đã hoạt động tại địa chỉ tên miền được đăng ký và trước khi chính thức cung cấp dịch vụ đến người dùng.
- Hồ sơ đăng ký bao gồm:
 - + Đơn đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử;
 - + Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập (đối với tổ chức); bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân), giấy phép kinh doanh (đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)
 - + Đề án cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định 52
 - + Quy chế quản lý hoạt động của website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - + Mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ, các điều kiện giao dịch chung, nếu có;
 - + Các tài liệu khác do Bộ Công Thương quy định.

3. Sửa đổi, bổ sung, đăng ký lại, chấm dứt đăng ký

- Thương nhân, tổ chức thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử phải thông báo sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký khi có một trong những thay đổi sau:
 - + Thay đổi tên thương nhân, tổ chức;

- + Thay đổi người đại diện thương nhân, người chịu trách nhiệm đối với website cung cấp dịch vụ;
 - + Thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch hoặc thông tin liên hệ;
 - + Thay đổi tên miền;
 - + Thay đổi quy chế và điều kiện giao dịch trên website cung cấp dịch vụ;
 - + Thay đổi các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ;
 - + Thay đổi hoặc bổ sung dịch vụ cung cấp trên website;
 - + Các thay đổi khác do Bộ Công Thương quy định.
- Thương nhân, tổ chức khi nhận chuyển nhượng website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử phải tiến hành đăng ký lại theo quy định tại Điều 55 Nghị định 52.
 - Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử bị chấm dứt đăng ký trong các trường hợp sau:
 - + Theo đề nghị của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử;
 - + Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử ngừng hoạt động hoặc chuyển nhượng website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử cho thương nhân, tổ chức khác;
 - + Quá 30 (ba mươi) ngày mà website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử không có hoạt động hoặc không phản hồi thông tin khi được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu;
 - + Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử bị hủy bỏ đăng ký theo quy định tại Khoản 2 Điều 78 Nghị định 52;
 - + Các trường hợp khác theo quy định của Bộ Công Thương.

4. Nghĩa vụ báo cáo và thẩm quyền cấp đăng ký

- Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử phải báo cáo Bộ Công Thương số liệu thống kê về tình hình hoạt động của năm trước đó theo quy định tại Điều 8 Nghị định 52.
- Bộ Công Thương là đơn vị xác nhận đăng ký cho các website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.
- Bộ Công Thương quy định cụ thể yêu cầu về nội dung hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt đăng ký đối với website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.

III. Hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử

1. Nguyên tắc chung

- Các thương nhân, tổ chức tiến hành hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử, cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử phải đăng ký với Bộ Công Thương.

- Các thương nhân, tổ chức tiến hành các hoạt động sau phải có giấy phép do Bộ Công Thương cấp:

- + Hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử;
- + Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử.

2. Hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử

- Điều kiện tiến hành hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử:

- + Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ phù hợp;
- + Độc lập về mặt tổ chức và tài chính với các thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử được đánh giá tín nhiệm;
- + Có bộ tiêu chí và quy trình đánh giá website thương mại điện tử được công bố công khai, minh bạch, áp dụng thống nhất cho các đối tượng được đánh giá;
- + Đã đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử với Bộ Công Thương và được xác nhận đăng ký.

- Thương nhân, tổ chức đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử bị hủy bỏ đăng ký trong những trường hợp sau:

- + Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin giả mạo khi tiến hành đăng ký;
- + Không thực hiện đúng quy trình và tiêu chí đánh giá tín nhiệm đã công bố công khai;
- + Lợi dụng hoạt động đánh giá tín nhiệm để thực hiện các hành vi nhằm thu lợi bất chính.

- Bộ Công Thương quy định cụ thể về hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử, nội dung hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, sửa đổi bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt đăng ký cho các thương nhân, tổ chức tiến hành hoạt động này.

- Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử:

- + Giám sát hoạt động của các website thương mại điện tử đã được gắn biểu tượng tín nhiệm;
- + Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các website thương mại điện tử đã được gắn biểu tượng tín nhiệm nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật;
- + Trước ngày 05 hàng tháng, báo cáo Bộ Công Thương danh sách cập nhật các website thương mại điện tử đã được gắn biểu tượng tín nhiệm tính đến cuối tháng trước đó;

+ Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương về hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử của năm trước đó.

3. Hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử

- Điều kiện cấp phép cho thương nhân, tổ chức tiến hành hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử:

+ Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
+ Có đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập trong đó nêu rõ lĩnh vực hoạt động là đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử;

+ Độc lập về mặt tổ chức và tài chính với các thương nhân, tổ chức, cá nhân được đánh giá và chứng nhận về chính sách bảo vệ thông tin cá nhân;

+ Có đề án hoạt động chi tiết được Bộ Công Thương thẩm định;

+ Có tiêu chí và quy trình đánh giá chính sách bảo vệ thông tin cá nhân tuân thủ các quy định của Bộ Công Thương.

- Giấy phép hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử có thời hạn theo đề nghị cấp phép.

- Thương nhân, tổ chức bị thu hồi giấy phép hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong những trường hợp sau:

+ Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin giả mạo để được cấp giấy phép;

+ Vi phạm quy trình và tiêu chí đánh giá đã được Bộ Công Thương thẩm định;

+ Lợi dụng hoạt động đánh giá, chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân để thực hiện các hành vi nhằm thu lợi bất chính;

+ Không triển khai dịch vụ sau 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày được cấp phép.

- Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử:

+ Giám sát sự tuân thủ của các thương nhân, tổ chức đã được chứng nhận về chính sách bảo vệ thông tin cá nhân;

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các thương nhân, tổ chức đã được chứng nhận về chính sách bảo vệ thông tin cá nhân nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

+ Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương về kết quả đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử của năm trước đó.

+ Bộ Công Thương quy định cụ thể về tiêu chí, quy trình đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân, trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi bổ sung, thu hồi giấy phép hoạt động cho các tổ chức này.

- Công nhận tổ chức đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân nước ngoài:

+ Chứng nhận về chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử do tổ chức đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân nước ngoài cấp được công nhận khi tổ chức đó được Bộ Công Thương cấp giấy công nhận;

+ Tổ chức đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân nước ngoài được cấp giấy công nhận khi đáp ứng các điều kiện sau:

-- Tổ chức đó được cơ quan có thẩm quyền của nước mình cấp phép hoặc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực này;

-- Tổ chức đó được thừa nhận bởi một tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

-- Tiêu chuẩn đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của tổ chức đó không thấp hơn tiêu chuẩn do Bộ Công Thương quy định;

-- Tổ chức đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân đó cam kết tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều này.

+ Bộ Công Thương quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cấp và thu hồi giấy công nhận tổ chức đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân nước ngoài.

*** Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử**

1. Điều kiện tiên hành hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử:

a) Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

b) Có Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ theo mẫu quy định tại khoản 8 Điều này và được Bộ Công Thương thẩm định với các nội dung tối thiểu sau:

- Thông tin giới thiệu về thương nhân, tổ chức gồm: kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử;

- Mô tả phương án kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, bao gồm: thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin; thuyết minh phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ, quy trình vận hành và chứng thực hợp đồng điện tử gồm có phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu của chứng từ điện tử, phương án định danh và chứng thực điện tử của các bên liên quan đến hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật, phương án tra cứu hợp đồng điện tử đã được chứng thực trên hệ thống; phương án bảo mật hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, bảo mật an toàn thông tin khách hàng; phương án kỹ thuật bảo đảm duy trì và khắc phục hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử khi có sự cố xảy ra.

2. Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử:

a) Chịu trách nhiệm về tính bảo mật và toàn vẹn của các chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;

- b) Cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;
- c) Công bố công khai Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử với các nội dung theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;
- d) Kết nối với Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử, báo cáo Bộ Công Thương về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo yêu cầu.

3. Hồ sơ đăng ký

- a) Đơn đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử;
- b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập (đối với tổ chức), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với thương nhân);
- c) Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Quy trình đăng ký

- a) Việc nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử được Bộ Công Thương thực hiện trực tuyến qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn;
- b) Việc khai báo hồ sơ, thương nhân, tổ chức truy cập vào Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử và tiến hành theo quy trình 05 bước như sau:

Bước 1: Thương nhân, tổ chức đăng ký tài khoản đăng nhập hệ thống bằng việc cung cấp những thông tin sau: tên thương nhân, tổ chức; số đăng ký kinh doanh của thương nhân hoặc số quyết định thành lập của tổ chức; địa chỉ trụ sở của thương nhân, tổ chức; các thông tin liên hệ, bao gồm số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cung cấp thông tin tại Bước 1, thương nhân, tổ chức nhận kết quả từ Bộ Công Thương qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký về một trong các nội dung sau:

- Nếu thông tin đăng ký tài khoản đầy đủ, thương nhân, tổ chức được cấp một tài khoản đăng nhập hệ thống và tiến hành tiếp Bước 3;
- Nếu đăng ký tài khoản bị từ chối hoặc yêu cầu bổ sung thông tin, thương nhân, tổ chức phải tiến hành đăng ký lại hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu.

Bước 3: Thương nhân, tổ chức đăng nhập vào tài khoản của mình trên hệ thống, chọn chức năng Đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, tiến hành khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm hồ sơ đăng ký.

Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ tại Bước 3, thương nhân, tổ chức nhận thông tin phản hồi của Bộ Công Thương qua thư điện tử về một trong các nội dung sau:

- Xác nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ và yêu cầu thương nhân, tổ chức thực hiện tiếp Bước 5;

- Thông báo hồ sơ đăng ký không hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung thông tin. Khi đó thương nhân, tổ chức quay về Bước 3 để khai báo lại hoặc bổ sung các thông tin, hồ sơ theo yêu cầu.

Bước 5: Sau khi nhận được thông báo xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, thương nhân, tổ chức gửi về Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) bộ hồ sơ đăng ký hoàn chỉnh (bản giấy).

c) Thương nhân, tổ chức có trách nhiệm theo dõi tình trạng xử lý hồ sơ qua thư điện tử hoặc tài khoản truy cập hệ thống đã được cấp để tiến hành cập nhật và chỉnh sửa thông tin theo yêu cầu;

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu bổ sung thông tin ở Bước 4 theo quy định tại điểm b khoản này, nếu thương nhân, tổ chức không có phản hồi thì hồ sơ đăng ký trên hệ thống sẽ bị chấm dứt và thương nhân, tổ chức phải tiến hành đăng ký lại từ đầu.

5. Xác nhận đăng ký

a) Thời gian xác nhận đăng ký: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký bản giấy đầy đủ, hợp lệ do thương nhân, tổ chức gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) khi hoàn thành quy trình đăng ký. Trường hợp hồ sơ bản giấy gửi về không khớp với những tài liệu, thông tin mà thương nhân, tổ chức đã khai báo trực tuyến, Bộ Công Thương thông báo qua địa chỉ thư điện tử mà thương nhân, tổ chức đã đăng ký để thương nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ;

b) Khi xác nhận đăng ký, Bộ Công Thương sẽ gửi thông báo về việc xác nhận đăng ký cho thương nhân, tổ chức qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký, đồng thời đưa tên thương nhân, tổ chức vào danh sách các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã đăng ký trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử;

c) Sau khi được xác nhận đăng ký, danh sách các website được gắn biểu tượng này sẽ được công bố trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương xác nhận đăng ký theo quy định tại điểm b khoản này, nếu doanh nghiệp không gửi hồ sơ giấy để xác nhận, thương nhân, tổ chức sẽ phải thực hiện đăng ký lại từ đầu.

6. Sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký

a) Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử phải thông báo sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có một trong những thay đổi về Hồ sơ đăng ký được quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Việc thông báo sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký được thực hiện trực tuyến qua tài khoản truy cập hệ thống đã được cấp khi tiến hành đăng ký hoặc bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Công Thương (Cục

Thương mại điện tử và Kinh tế số), kèm theo bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh sự thay đổi (nếu có);

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác của thương nhân, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản này, Bộ Công Thương tiến hành xem xét việc xác nhận hoặc không xác nhận thông tin sửa đổi, bổ sung và phản hồi lại cho thương nhân, tổ chức qua tài khoản truy cập hệ thống đã được cấp; trường hợp không xác nhận phải nêu rõ lý do.

7. Hủy bỏ, chấm dứt đăng ký

a) Bộ Công Thương hủy bỏ đăng ký đối với thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong các trường hợp sau:

- Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin giả mạo khi tiến hành đăng ký;
- Lợi dụng hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử để thu lợi bất chính;
- Không thực hiện đúng các nội dung theo Đề án và Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định tại Điều này;
- Không thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Bộ Công Thương chấm dứt đăng ký đối với thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong các trường hợp sau:

- Theo đề nghị của thương nhân, tổ chức đó;
- Không cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được xác nhận đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.

c) Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử khi ngừng hoạt động phải thông báo cho Bộ Công Thương trước 15 ngày để chấm dứt đăng ký. Việc thông báo này được thực hiện trực tuyến qua tài khoản truy cập hệ thống đã được cấp khi tiến hành đăng ký hoặc bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số).

d) Khi chấm dứt hoặc hủy bỏ đăng ký, Bộ Công Thương sẽ rút tên thương nhân, tổ chức khỏi danh sách các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã đăng ký, đồng thời xóa biểu tượng xác nhận đăng ký của thương nhân, tổ chức đó trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

8. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn thương nhân, tổ chức xây dựng Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử và ban hành mẫu đơn đăng ký, mẫu Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

IV. Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử

1. Trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử

Bộ Công Thương có trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

2. Chức năng của Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử

Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử có các chức năng sau:

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng quy định tại Mục 1 Chương 4 NĐ 52;
- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử quy định tại Mục 2 Chương 4 NĐ 52;
- Cung cấp thông tin hướng dẫn về quy trình và biểu mẫu thủ tục đăng ký, thủ tục xin cấp phép dịch vụ giám sát, đánh giá và chứng nhận trong thương mại điện tử theo quy định tại Mục 3 Chương 4 NĐ 52;
- Công bố công khai các thông tin về các website đã thực hiện thủ tục thông báo và đăng ký, danh sách các website khuyến cáo người tiêu dùng thận trọng theo quy định tại Điều 65, 66 và 67 Nghị định 52.
- Cung cấp cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công cụ tra cứu, quản lý thông tin thông báo, đăng ký hoạt động thương mại điện tử của các thương nhân, tổ chức, cá nhân trên địa bàn

❖ TÓM TẮT BÀI 4

Trong bài này, một số nội dung chính được giới thiệu:

1. Điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng
2. Thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng
3. Điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
4. Thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
5. Sửa đổi, bổ sung, đăng ký lại, chấm dứt đăng ký
6. Nghĩa vụ báo cáo và thẩm quyền cấp đăng ký
7. Hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử
8. Hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử
9. Trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử
10. Chức năng của cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử

❖ CÂU HỎI VÀ TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN BÀI 4

1. Em hãy cho biết điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng
2. Trình bày thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng
3. Nêu các điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
4. Hãy cho biết thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

5. Thảo luận vấn đề sửa đổi, bổ sung, đăng ký lại, chấm dứt đăng ký
6. Hãy cho biết quy định về hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử
7. Chỉ ra chức năng của cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử

BÀI 5 . AN TOÀN, AN NINH TRONG GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Như chúng ta thấy, cùng với sự phổ cập ngày càng rộng rãi của Internet và sự ra đời của các công nghệ mới, thương mại điện tử (TMĐT) đã phát triển nhanh cả về hình thức lẫn tính ứng dụng. Trên thực tế, khi giao dịch TMĐT được người tiêu dùng (NTD) lựa chọn càng nhiều thì các hành vi xâm phạm thông tin cá nhân (TTCN) cũng diễn ra phức tạp và phổ biến hơn.

Vụ hacker rao bán hàng loạt dữ liệu người dùng Việt Nam trên internet gần đây một lần nữa cho thấy tầm quan trọng của việc bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia vào không gian mạng.

Khoảng 17 GB dữ liệu cá nhân của người Việt gồm chứng minh thư nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu, ảnh và video selfie... trở thành món hàng trị giá 9.000 USD đối với hacker. Dù chưa thể truy ra nguồn gốc số liệu đó và kẻ rao bán hiện đã xóa bài đăng, vụ việc vẫn cho thấy đã có lỗ hổng trong quản lý những dữ liệu quan trọng này.

Một số chuyên gia nhận định các dữ liệu có thể bị rò rỉ từ kho lưu trữ của một hoặc vài dịch vụ trực tuyến, đặc biệt là đơn vị cho vay online. Nhận định trên xuất phát từ việc dữ liệu mà tin tặc tiết lộ giống với những gì mà các dịch vụ cho vay trực tuyến thường yêu cầu người dùng nhập vào.

Dù chưa biết nguyên nhân chính xác, các chuyên gia bảo mật cũng khuyến cáo người dùng hết sức cẩn thận với thông tin cá nhân, tuyệt đối không chia sẻ, cung cấp thông tin cho những đơn vị chưa rõ uy tín hoặc đáng ngờ.

Người dùng internet cần chủ động thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ dữ liệu của chính mình bởi họ mới là “chốt chặn” đầu tiên để ngăn các vụ rò rỉ thông tin trên mạng. Việc sử dụng các mật khẩu mạnh, có độ phức tạp cao đối với tài khoản trực tuyến luôn được các chuyên gia khuyên dùng. Việc kết hợp giữa chữ viết hoa, chữ thường, số, ký tự đặc biệt sẽ gây khó khăn cho những kẻ muốn xâm nhập vào tài khoản. Người dùng cũng không nên sử dụng cùng một mật khẩu cho nhiều tài khoản hay nhiều trang web khác nhau. Một nghiên cứu gần đây cho thấy có tới 81% vụ vi phạm dữ liệu là do người dùng sử dụng lại mật khẩu hoặc sử dụng mật khẩu yếu.

Không sử dụng tài khoản mạng xã hội để đăng nhập vào trang web, dịch vụ khác. Đây là một thói quen của nhiều người bởi tính tiện dụng, giảm bớt thao tác cần thiết để sử dụng dịch vụ, trang web. Tuy nhiên việc này đã cho phép trang web/dịch vụ đó có quyền truy cập vào tài khoản mạng xã hội của người dùng, nơi chứa nhiều dữ liệu cá nhân.

Việc giảm kết nối mạng xã hội với người lạ cũng giúp ích trong việc giữ an toàn cho người dùng. Nhiều người có xu hướng chấp nhận kết bạn với các tài khoản lạ, ít quen biết, bỏ qua việc tìm hiểu, xác minh, tạo điều kiện cho kẻ gian tiếp

cần để thực hiện kế hoạch lừa đảo hoặc lợi dụng nạn nhân để tấn công những người xung quanh.

❖ GIỚI THIỆU BÀI 5

Bài 5 là bài giới thiệu điều kiện, thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng; Điều kiện, thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; Hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử để người học có được kiến thức đảm bảo tính khoa học, toàn diện, liên tục và có hệ thống.

MỤC TIÊU BÀI 5

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được trách nhiệm về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng
 - + Nêu được chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng
 - + Trình bày được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cá nhân sở hữu website thương mại có chức năng thanh toán trực tuyến
 - + Nêu được trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website thương mại điện tử
- Kỹ năng:
 - Vận dụng quy định của pháp luật để tiến hành thu thập thông tin cá nhân người tiêu dùng
 - Vận dụng quy định của pháp luật để kiểm tra, cập nhật và điều chỉnh thông tin cá nhân của người tiêu dùng
- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:
 - + Tuân thủ quy định của pháp luật
 - + Có trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân người tiêu dùng

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 5

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 5 (cá nhân hoặc nhóm).*
- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (bài 5) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống bài 5 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 5

- Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn
- Trang thiết bị dạy học: Projetor, máy vi tính, bảng, phấn
- Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...
- Các điều kiện khác: Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 5

- **Nội dung:**

- + *Về kiến thức*: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong bài 5
- + *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật
- + *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
 - Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
 - Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp**:
 - + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng/ thuyết trình/Trắc nghiệm)
 - + Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có

NỘI DUNG

BÀI 5 AN TOÀN, AN NINH TRONG GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thói quen điền đầy đủ dữ liệu cá nhân lên tài khoản mạng xã hội như họ tên đầy đủ, số điện thoại, địa chỉ email, quê quán, tên ngôi trường từng theo học, tình trạng hôn nhân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích..., thậm chí chia sẻ cả thông tin về lịch trình di chuyển, nơi thường lui tới, hồ sơ bằng cấp công khai... không khác gì tự tay “dâng” thông tin của mình cho kẻ gian. Chỉ bằng các dữ liệu khai báo công khai trên Facebook, tin tặc cũng có thể giả danh nạn nhân để thực hiện hành vi phi pháp hay đăng ký tài khoản ở nhiều dịch vụ khác nhau.

Từ thực trạng trên cho thấy, vấn đề an toàn, an ninh trong giao dịch thương mại ngày càng cần được quan tâm, quản lý chặt chẽ hơn.

I. Bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử

Trong TMĐT, TTCN của NTD là một dữ liệu được thu thập thường xuyên, lưu trữ và sử dụng không chỉ bởi các nhà bán lẻ, nhà sản xuất mà còn bởi nhà cung cấp dịch vụ, các tổ chức phi lợi nhuận hay thậm chí là các hacker (tin tặc). Trong khi đó, NTD trong nhiều trường hợp chưa có ý thức về “giá trị” của TTCN, dẫn đến thiếu sự quan tâm đến vấn đề bảo mật thông tin. Chính vì thế mà **hành vi xâm phạm thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử ngày càng trở nên phổ biến, tinh vi, diễn hình như:**

Một là, thu thập và sử dụng trái phép TTCN của NTD.

Chẳng hạn, vào tháng 8/2014, hãng điện thoại Trung Quốc Xiaomi đã thừa nhận hành vi thu thập dữ liệu trái phép từ điện thoại của người dùng Việt Nam về máy chủ tại Trung Quốc. Theo đó, khi người dùng mua Redmi về, chỉ mới đơn giản lắp SIM vào máy, kết nối mạng, thêm số liên lạc, thực hiện vài cuộc điện thoại và trao đổi tin nhắn là các thông tin như tên nhà mạng, số liên lạc, tin nhắn SMS đều được chuyển tiếp đến máy chủ của Xiaomi.

Hai là, đánh cắp TTCN của NTD:

TTCN của NTD trong TMĐT thường được lưu trữ dưới dạng “dữ liệu điện tử”, cho nên trong trường hợp doanh nghiệp không có các biện pháp đảm bảo an toàn hiệu quả thì có thể bị tin tặc tấn công bất cứ khi nào. Một khách hàng khi sử dụng dịch vụ TMĐT tại các website có khả năng mất tên, email, mật khẩu hoặc thông tin ngân hàng. Các website TMĐT bán lẻ thường có số lượng lớn khách hàng nên các dữ liệu khách hàng rất có giá trị với tội phạm công nghệ.

Hiện nay, hoạt động đánh cắp TTCN của NTD ngày càng trở nên phổ biến với quy mô ngày càng lớn, như vụ việc cuối tháng 4/2018, một diễn đàn nước ngoài đã rao bán gói dữ liệu lên đến 7,55 GB của hơn 163 triệu tài khoản Zing ID của Công ty Công nghệ Việt Nam (VNG) hay nghi vấn Công ty CP Thế giới di động

bị hack gói dữ liệu bao gồm danh sách thông tin của khoảng 5,4 triệu khách hàng vào đầu tháng 11/2018.

Ba là, hành vi làm phiền, lừa đảo chiếm đoạt tài sản NTD:

Đây là hệ quả của các hành vi trên. Các thông tin về nhân thân khách hàng cũng có thể được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau như: tiếp thị hàng hóa, dịch vụ; làm giấy tờ giả; bán cho bên thứ ba... Nhiều người cảm thấy bị làm phiền và khó chịu khi thường xuyên nhận được các lời mời sử dụng hàng hóa, dịch vụ của nhiều cá nhân, tổ chức thông qua thư điện tử hoặc điện thoại di động (nhắn tin hoặc gọi điện). Ngoài ra, khi có được thông tin NTD, đặc biệt là các thông tin về thẻ tín dụng, tội phạm có thể sử dụng các thông tin này làm giả thẻ tín dụng để chiếm đoạt tiền trong tài khoản hoặc thực hiện các chi tiêu mua sắm.

Quá trình nghiên cứu về ứng dụng và phát triển các mô hình TMĐT đều cho thấy rằng sự tin tưởng của NTD sẽ góp phần thúc đẩy TMĐT phát triển, hướng NTD tới quyết định lựa chọn giao dịch TMĐT thay vì phương thức giao dịch truyền thống.

Nhưng trên thực tế, NTD khá lo ngại với việc bị xâm phạm và lạm dụng TTCN của họ. Theo kết quả khảo sát của Cục TMĐT và Kinh tế số, có 38% số người được khảo sát cho rằng việc mất TTCN là một trong những trở ngại khi mua sắm trực tuyến và có 25% trả lời lý do chưa tham gia vào mua sắm trực tuyến là tâm lý lo sợ lộ TTCN. Một trở ngại khác là khách hàng lo ngại vấn đề an toàn khi thanh toán trực tuyến và tâm lý lo ngại TTCN bị mua bán, tiết lộ.

Vậy, nhà nước phải làm gì để bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng?

1. Trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng

- Trong quá trình hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, nếu thương nhân, tổ chức, cá nhân thực hiện việc thu thập thông tin cá nhân của người tiêu dùng thì phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và những quy định pháp luật liên quan về bảo vệ thông tin cá nhân.

- Trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thương mại điện tử ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện việc thu thập, lưu trữ thông tin cá nhân của người tiêu dùng:

+ Hợp đồng giữa hai bên phải quy định rõ trách nhiệm của mỗi bên trong việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này và những quy định pháp luật liên quan về bảo vệ thông tin cá nhân;

+ Nếu hợp đồng giữa hai bên không quy định rõ trách nhiệm của mỗi bên thì thương nhân, tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thương mại điện tử chịu trách nhiệm trong trường hợp việc thu thập, lưu trữ và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng vi phạm các quy định tại Nghị định này và những quy định pháp luật liên quan về bảo vệ thông tin cá nhân.

Một vấn đề đặt ra là làm thế nào để bảo vệ thông tin cá nhân và bảo vệ như thế nào?

Bán thông tin cá nhân như... bán rau

Hiện nay, việc mua bán thông tin cá nhân trên mạng internet đang diễn ra hết sức công khai và rầm rộ. Chỉ cần gõ từ khóa “mua thông tin cá nhân” hay “danh sách khách hàng” lên google, lập tức có ngay hàng loạt trang điện tử hoặc tài khoản Facebook rao bán đủ loại “data” cá nhân như tên tuổi, số điện thoại, email, ngành nghề, chức vụ và thậm chí cả thu nhập hay số dư tài khoản ngân hàng... Những dữ liệu này được phân loại rất rõ ràng để chọn lựa, từ “danh sách doanh nhân VIP”, “danh sách cư dân chung cư các toà nhà”, “danh sách phụ huynh có thu nhập cao ở các trường tiểu học” đến “danh sách những người gửi tiền tiết kiệm ở ngân hàng từ 200 triệu đồng trở lên”...

Mức giá của những danh sách này dao động từ vài trăm nghìn đến vài triệu đồng, tùy theo loại dữ liệu, số lượng thông tin mà người mua yêu cầu (số lượng khách hàng, mức độ cập nhật, tầm quan trọng của thông tin). Không chỉ mua với giá “hữu nghị”, nhiều người còn được khuyến mãi nếu mua nhiều với các gói danh sách đã được lọc theo ngành nghề, vùng miền, khu vực...

Phương thức thanh toán cũng hết sức đơn giản, người mua chỉ cần nhấn tin mã nạp thẻ điện thoại di động với giá trị tương đương, khi người bán nạp tiền thành công, lập tức danh sách sẽ được gửi ngay.

Theo phản ánh của báo Lao động, trong cơn sốt đất tại TPHCM vừa qua, không chỉ trên web, nhiều “cò đất” đã lập cả fanpage xung danh “Hiệp hội môi giới bất động sản”, “Đất nền Sài Gòn”... để rao bán đất nền. Cũng tràn ngập trên đó, thông tin khách hàng bị rao bán công khai với lời mời rất “hấp dẫn” như: “Chuyển nhượng lại bộ data khách hàng đã mua những dự án của công ty Hưng Thịnh”; “Chuyển nhượng bộ khách hàng gửi tiết kiệm tại các ngân hàng...”.

Việc mua bán này là “nguồn cơn” của vô số phiền toái mà không ít người đang gặp phải, khi liên tiếp bị đội quân bán hàng qua điện thoại (telesales) “khủng bố” mỗi ngày. Thực trạng thông tin cá nhân đang bị chuyển hóa thành “thông tin công cộng” khiến nhiều người hoang mang.

Nhiều người liên tục nhận được những lời chào mời mua sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, nhà chung cư, ô tô... không hiểu “Vì sao các đối tượng này lại biết số điện thoại, địa chỉ nơi ở, nghề nghiệp của mình”.

Không những thế họ còn đọc vanh vách tên tuổi, trường học của con rồi mời gọi đi du học này nọ khiến họ cảm thấy rất bất an.

Không chỉ là chuyện quấy rối, làm phiền; hậu quả của việc mất thông tin cá nhân là rất nguy hại, đặc biệt nếu rơi vào tay kẻ gian có thể dẫn đến hành vi làm giả thẻ tín dụng ngân hàng, thậm chí là những vụ tống tiền, bắt cóc...

Liên quan đến vấn đề này, những ngày qua dư luận đang nghi ngại việc lộ thông tin cá nhân khi đi đăng ký ảnh chân dung bổ sung cho số thuê bao của mình. Ngay sau khi các quy định về việc chụp ảnh chính chủ được triển khai, người dân đã có phản ứng cho rằng việc này xâm phạm đến quyền riêng tư của công dân. Bộ Thông tin và Truyền thông đã đề nghị gỡ bỏ quy định này trong Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

Tại các quốc gia phát triển, bảo mật thông tin khách hàng luôn là số một và việc chuyển thông tin khách hàng chỉ được thực hiện với một số nguyên tắc nhất định cũng như có sự giám sát của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Nhờ đó, giúp khách hàng an tâm hơn khi giao dịch.

Pháp luật Việt Nam cũng quy định việc rao bán các thông tin cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật. VD như:

Điều 38 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 quy định đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Theo điểm a Khoản 5 Điều 66 Nghị định 174/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện, hành vi mua bán hoặc trao đổi trái phép thông tin riêng của người sử dụng dịch vụ viễn thông sẽ bị xử phạt tiền ở mức từ 50 đến 70 triệu đồng.

Những người có hành vi vi phạm này, tùy vào tính chất, mức độ vi phạm còn có thể bị xử lý theo Điều 288 Bộ Luật Hình sự 2015 về Tội “Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông” với khung hình phạt thấp nhất là cải tạo không giam giữ đến 03 năm và hình phạt tù cao nhất là 07 năm

Tuy nhiên, trên thực tế, việc bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng vẫn chưa được tuân thủ nghiêm chỉnh, chế tài xử phạt cho các hành vi vi phạm còn quá nhẹ, chưa đủ sức răn đe.

Hành vi mua bán thông tin cá nhân thường được giao dịch trên môi trường internet, vì vậy có những khó khăn nhất định khi xác định chủ thể có hành vi vi phạm. Bản thân những người bị mua bán thông tin họ không biết thông tin của mình bị mua bán để làm đơn đề nghị tính giá trị tổn thất, từ đó đề nghị quy trách nhiệm.

Tình trạng mua bán thông tin, dữ liệu cá nhân được cơ quan chức năng nhận định là rất phức tạp. Cũng trong nhiều năm qua, Cục Cảnh sát Phòng, chống tội phạm công nghệ cao (C50) Bộ Công an đã lập nhiều chuyên án về việc mua bán thông tin cá nhân trên mạng nhưng do vướng các quy định pháp lý cho nên

không thể xử lý hình sự, nên đã chuyển hồ sơ sang cho thanh tra các Sở Thông tin và Truyền thông để xử lý vi phạm hành chính.

Việc xác định hành vi mua bán thông tin cá nhân của nhiều đối tượng lại chưa đủ để cấu thành tội phạm vì rất khó để xác định việc mua bán đó có “gây hậu quả nghiêm trọng” hay không.

Trong khi việc mua bán thông tin cá nhân vẫn đang gặp phải không ít vướng mắc trong chế tài xử lý thì thông tin cá nhân của hàng triệu người vẫn có thể là miếng mồi béo bở với nhiều đối tượng xấu.

Về phía người tiêu dùng, phải học cách “sống chung” và cảnh giác với các chiêu thức chào mời dịch vụ qua điện thoại, nhất là liên quan đến các giao dịch về ngân hàng... Với mỗi giao dịch cần hết sức cẩn trọng trong việc cung cấp thông tin, những thông tin nào không bắt buộc thì không nên khai, tránh bị khai thác để trục lợi. Đồng thời, nên thực hiện biện pháp cài đặt phòng, chống phần mềm độc hại trên thiết bị điện tử, thường xuyên cập nhật, thay đổi mật khẩu và sử dụng mật khẩu có tính bảo mật cao.

Từ những nguyên nhân và thực trạng trên cho thấy việc ban hành chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng là cần thiết và tất yếu

2. Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng phải xây dựng và công bố chính sách bảo vệ thông tin cá nhân với các nội dung sau:

- + Mục đích thu thập thông tin cá nhân;
- + Phạm vi sử dụng thông tin;
- + Thời gian lưu trữ thông tin;
- + Những người hoặc tổ chức có thể được tiếp cận với thông tin đó;
- + Địa chỉ của đơn vị thu thập và quản lý thông tin, bao gồm cách thức liên lạc để người tiêu dùng có thể hỏi về hoạt động thu thập, xử lý thông tin liên quan đến cá nhân mình;

+ Phương thức và công cụ để người tiêu dùng tiếp cận và chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình trên hệ thống thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin.

- Những nội dung trên phải được hiển thị rõ ràng cho người tiêu dùng trước hoặc tại thời điểm thu thập thông tin.

- Nếu việc thu thập thông tin được thực hiện thông qua website thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin, chính sách bảo vệ thông tin cá nhân phải được công bố công khai tại một vị trí dễ thấy trên website này.

3. Thu thập thông tin cá nhân người tiêu dùng

Thông tin cá nhân là các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể, bao gồm tên, tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài

khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật.

Thông tin cá nhân trong Nghị định này không bao gồm thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông.

Thu thập thông tin cá nhân là hoạt động thu thập để đưa vào một cơ sở dữ liệu bao gồm thông tin cá nhân của nhiều người tiêu dùng là khách hàng hoặc khách hàng tiềm năng của thương nhân, tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại điện tử.

3.1 Xin phép người tiêu dùng khi tiến hành thu thập thông tin

- Trừ trường hợp thông tin không cần được sự đồng ý trước của chủ thẻ, thương nhân, tổ chức thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng trên website thương mại điện tử (gọi tắt là đơn vị thu thập thông tin) phải được sự đồng ý trước của người tiêu dùng có thông tin đó (gọi tắt là chủ thẻ thông tin).

- Đơn vị thu thập thông tin phải thiết lập cơ chế để chủ thẻ thông tin bày tỏ sự đồng ý một cách rõ ràng, thông qua các chức năng trực tuyến trên website, thư điện tử, tin nhắn, hoặc những phương thức khác theo thỏa thuận giữa hai bên.

- Đơn vị thu thập thông tin phải có cơ chế riêng để chủ thẻ thông tin được lựa chọn việc cho phép hoặc không cho phép sử dụng thông tin cá nhân của họ trong những trường hợp sau:

+ Chia sẻ, tiết lộ, chuyển giao thông tin cho một bên thứ ba;

+ Sử dụng thông tin cá nhân để gửi quảng cáo, giới thiệu sản phẩm và các thông tin có tính thương mại khác.

- Đơn vị thu thập thông tin không cần được sự đồng ý trước của chủ thẻ thông tin trong các trường hợp sau:

+ Thu thập thông tin cá nhân đã công bố công khai trên các website thương mại điện tử;

+ Thu thập thông tin cá nhân để ký kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ;

+ Thu thập thông tin cá nhân để tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng.

3.2. Sử dụng thông tin cá nhân

- Đơn vị thu thập thông tin phải sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng đúng với mục đích và phạm vi đã thông báo, trừ các trường hợp sau:

+ Có một thỏa thuận riêng với chủ thẻ thông tin về mục đích và phạm vi sử dụng ngoài những mục đích, phạm vi đã thông báo;

+ Để cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm theo yêu cầu của chủ thẻ thông tin;

+ Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Việc sử dụng thông tin quy định tại Điều này bao gồm cả việc chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin cá nhân cho bên thứ ba.

3.3. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cá nhân

- Đơn vị thu thập thông tin phải đảm bảo an toàn, an ninh cho thông tin cá nhân mà họ thu thập và lưu trữ, ngăn ngừa các hành vi sau:
 - + Đánh cắp hoặc tiếp cận thông tin trái phép;
 - + Sử dụng thông tin trái phép;
 - + Thay đổi, phá hủy thông tin trái phép.
- Đơn vị thu thập thông tin phải có cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến việc thông tin cá nhân bị sử dụng sai mục đích hoặc phạm vi đã thông báo.
- Trong trường hợp hệ thống thông tin bị tấn công làm phát sinh nguy cơ mất thông tin của người tiêu dùng, đơn vị lưu trữ thông tin phải thông báo cho cơ quan chức năng trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ sau khi phát hiện sự cố.

3.4. Kiểm tra, cập nhật và điều chỉnh thông tin cá nhân

- Chủ thể thông tin có quyền yêu cầu đơn vị thu thập thông tin thực hiện việc kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh hoặc hủy bỏ thông tin cá nhân của mình.
- Đơn vị thu thập thông tin có nghĩa vụ kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh, hủy bỏ thông tin cá nhân của chủ thể thông tin khi có yêu cầu hoặc cung cấp cho chủ thể thông tin công cụ để tự kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh thông tin cá nhân của mình.

II. An toàn thanh toán trong thương mại điện tử

1. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến phải đảm bảo an toàn, bảo mật giao dịch thanh toán của khách hàng, xử lý khiếu nại và đền bù thiệt hại trong trường hợp thông tin thanh toán của khách hàng qua website thương mại điện tử bị thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, di chuyển trái phép hoặc bị chiếm đoạt gây thiệt hại cho khách hàng.
- Trường hợp tự phát triển giải pháp thanh toán để phục vụ riêng website thương mại điện tử bán hàng của mình, thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website phải áp dụng các biện pháp sau nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật cho giao dịch thanh toán của khách hàng:
 - + Thiết lập hệ thống thông tin phục vụ hoạt động thanh toán đảm bảo kết nối trực tuyến 24 (hai mươi bốn) giờ trong ngày và 7 (bảy) ngày trong tuần. Thời gian dừng hệ thống để bảo trì không quá 12 (mười hai) giờ mỗi lần bảo trì và phải có thông báo trước cho khách hàng;
 - + Mã hóa thông tin và sử dụng các giao thức bảo mật để đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền;

+ Triển khai các ứng dụng có khả năng phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy nhập bất hợp pháp và các hình thức tấn công trên môi trường mạng vào hệ thống thông tin phục vụ hoạt động thanh toán trực tuyến của mình;

+ Có các phương án kiểm soát quyền truy nhập hệ thống, quyền ra, vào nơi đặt thiết bị hệ thống thông tin phục vụ hoạt động thanh toán trực tuyến của mình;

+ Có quy trình, hệ thống sao lưu và phục hồi dữ liệu khi hệ thống thông tin phục vụ hoạt động thanh toán gặp sự cố, đảm bảo sao lưu dữ liệu thanh toán ra các vật mang tin hoặc sao lưu trực tuyến toàn bộ dữ liệu;

+ Lưu trữ dữ liệu về từng giao dịch thanh toán theo thời hạn quy định tại Luật kế toán;

+ Trường hợp khách hàng thanh toán trước khi mua hàng hóa và dịch vụ, tiền thanh toán của khách hàng phải được giữ tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và khách hàng phải được cung cấp công cụ để theo dõi số dư thanh toán của mình trên hệ thống.

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến phải công bố trên website chính sách về bảo mật thông tin thanh toán cho khách hàng.

2. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website thương mại điện tử

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

- Lưu trữ dữ liệu về từng giao dịch thanh toán thực hiện qua hệ thống của mình theo thời hạn quy định tại Luật kế toán.

- Liên đới chịu trách nhiệm với thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán của mình trong trường hợp thông tin thanh toán của khách hàng qua website đó bị thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, di chuyển trái phép hoặc bị chiếm đoạt gây thiệt hại cho khách hàng.

- Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương số liệu thống kê về tình hình cung cấp dịch vụ cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử.

❖ TÓM TẮT BÀI 5

Trong bài này, một số nội dung chính được giới thiệu:

1. Trách nhiệm về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng
2. Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng
3. Thu thập thông tin cá nhân của người tiêu dùng
4. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cá nhân sở hữu website thương mại có chức năng thanh toán trực tuyến

5. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website thương mại điện tử

CÂU HỎI VÀ TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN BÀI 5

1. Trình bày trách nhiệm về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng
2. Em hãy cho biết các chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng
3. Thảo luận về thu thập thông tin cá nhân của người tiêu dùng
4. Nêu trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cá nhân sở hữu website thương mại có chức năng thanh toán trực tuyến
5. Trình bày trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho website thương mại điện tử

BÀI 6 . GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

❖ GIỚI THIỆU BÀI 6

Bài 6 là bài giới thiệu về cách thức giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử; Thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử; Xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử để người học có được kiến thức đảm bảo tính khoa học, toàn diện, liên tục và có hệ thống.

MỤC TIÊU BÀI 6

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

- Kiến thức:
- + Nêu được quy định về giải quyết tranh chấp, thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử
- Kỹ năng: Vận dụng quy định của pháp luật để giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.
- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:
- + Ứng hộ quy định của nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 6

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 6 (cá nhân hoặc nhóm).*
- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (bài 6) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống bài 6 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 6

- Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn
- Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn
- Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...
- Các điều kiện khác: Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 6

- **Nội dung:**
- + *Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong bài 6
- + *Về kỹ năng:* Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật
- + *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập

- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

- + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng/ thuyết trình/Trắc nghiệm)
- + Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 bài
 - Hình thức: Viết ra giấy
 - Thời gian làm bài: 45 phút

NỘI DUNG

BÀI 6 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

I. Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử

1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

2. Xử lý tranh chấp

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử bán hàng có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý khiếu nại của khách hàng liên quan đến hợp đồng được giao kết trên website thương mại điện tử của mình.

- Tranh chấp giữa thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ với khách hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được giải quyết trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng công bố tại website vào thời điểm giao kết hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ không được lợi dụng các ưu thế của mình trên môi trường điện tử để đơn phương giải quyết những vấn đề tranh chấp khi chưa có sự đồng ý của khách hàng.

- Việc giải quyết tranh chấp phải thông qua thương lượng giữa các bên, hòa giải, trọng tài hoặc tòa án theo các thủ tục, quy định hiện hành về giải quyết tranh chấp.

- Giải quyết khiếu nại, tranh chấp trên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử:

+ Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử phải công bố rõ trên website quy trình tiếp nhận, trách nhiệm xử lý khiếu nại của khách hàng và cơ chế giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng được giao kết trên website thương mại điện tử của mình;

+ Nếu thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử không công bố thông tin theo quy định tại Điểm a Khoản này thì phải trực tiếp chịu trách nhiệm tiếp nhận, xử lý khiếu nại của khách hàng và giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng được giao kết trên website thương mại điện tử của mình;

+ Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử được tham gia hòa giải tranh chấp phát sinh giữa khách hàng với người bán trên website thương mại điện tử của mình.

II. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử

1. Thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử

- Các thương nhân, tổ chức quản lý hoạt động giám sát và chứng thực trong TMĐT chịu sự kiểm tra định kỳ hàng năm của Bộ Công Thương về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này và những văn bản có liên quan. Kết quả kiểm tra được công bố trên cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.
- Các thương nhân, tổ chức quản lý Website TMĐT bán hàng, Website cung cấp dịch vụ TMĐT chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử:
 - + Vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử tại Điều 4 Nghị định 52;
 - + Vi phạm quy định về giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử;
 - + Vi phạm quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong thương mại điện tử;
 - + Vi phạm quy định về thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng;
 - + Vi phạm quy định về đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử;
 - + Vi phạm quy định về hoạt động đánh giá và chứng thực trong thương mại điện tử;
 - + Vi phạm quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử;
 - + Vi phạm quy định về an toàn thanh toán trong thương mại điện tử;
 - + Không chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tiến hành thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;
 - + Tiếp tục hoạt động sau khi thương nhân, tổ chức đã bị chấm dứt đăng ký cung cấp dịch vụ thương mại điện tử;
 - + Tiếp tục hoạt động sau khi đã chấm dứt hoặc bị hủy bỏ đăng ký, chấm dứt hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong thương mại điện tử;
 - + Vi phạm các quy định khác của Nghị định 52.
- Ngoài việc xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan quản lý xem xét tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của thương nhân, tổ chức để ra quyết định đình chỉ hoạt động/tước quyền sử dụng giấy phép hoặc hủy bỏ đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử đối với các vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 78.

- Trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích vật chất của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Nguyên tắc xử phạt, thời hiệu xử phạt, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử được thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan.

- Thanh tra Bộ Công Thương, Cơ quan quản lý thị trường, Thanh tra Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nhà nước khác có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử theo thẩm quyền quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan.

Vậy, chúng ta cần làm gì để bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng?

Sau đây là một số biện pháp người dùng nên thực hiện nhằm giảm thiểu rủi ro bị rò rỉ dữ liệu - **Sử dụng mật khẩu mạnh, mật khẩu khác nhau cho các tài khoản các nhau:** Kết hợp các chuỗi ký tự viết hoa và viết thường, số và ký hiệu, khiến việc bẻ khoá khó hơn nhiều so với mật khẩu đơn giản. Nếu bạn sử dụng cùng mật khẩu, hacker đã truy cập vào một tài khoản có thể xâm nhập vào tất cả các tài khoản khác. Nếu nhiều tài khoản có các mật khẩu khác nhau, chỉ một tài khoản gặp rủi ro.

- **Thay đổi mật khẩu thường xuyên:** Một đặc điểm của nhiều vi phạm bảo mật được báo cáo công khai là chúng đã xảy ra trong một khoảng thời gian dài và một số đã không được báo cáo cho đến tận nhiều năm sau khi bị vi phạm. Thay đổi mật khẩu thường xuyên giúp giảm thiểu nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các vụ rò rỉ dữ liệu bất ngờ.

- **Sao lưu các tập tin:** Trong một số trường hợp, các tệp tài liệu bị mã hóa và người dùng bị yêu cầu trả tiền chuộc để lấy lại các thông tin này về. Nếu bạn có một bản sao lưu riêng trên ổ đĩa di động, dữ liệu của bạn sẽ được an toàn trong trường hợp bị rò rỉ.

- **Bảo mật máy tính và các thiết bị khác của bạn bằng các phần mềm chống vi-rút và chống phần mềm độc hại:** Những phần mềm này sẽ giúp cho máy tính của bạn không bị lây nhiễm và đảm bảo rằng hacker không thể xâm nhập vào hệ thống.

- **Hãy cẩn thận khi nhấp vào các liên kết:** Các email đáng ngờ bao gồm các liên kết dẫn đến các trang web có thể là lừa đảo. Nếu email bao gồm các tệp đính kèm hoặc liên kết, hãy đảm bảo xác thực chúng trước khi mở và sử dụng chương trình chống vi-rút trên những tệp đính kèm.

❖ TÓM TẮT BÀI 6

Trong bài này, một số nội dung chính được giới thiệu:

1. Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử

2. Thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử
3. Xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử

❖ CÂU HỎI VÀ TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN BÀI 6

1. Em hãy nêu các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử
2. Trình bày quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử
3. Hãy cho biết nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử
4. Thảo luận về các hành vi vi phạm và cách xử lý vi phạm